

BẢN CÁO BẠCH

Sở giao dịch chứng khoán cấp chứng nhận đăng ký niêm yết chứng khoán chỉ có nghĩa là việc đăng ký niêm yết chứng khoán đã thực hiện theo các quy định của pháp luật liên quan mà không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán. Mọi tuyên bố trái với điều này là bất hợp pháp.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI (VINALINK)

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 064162 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 31 tháng 7 năm 1999 và thay đổi lần thứ 8 ngày 7 tháng 5 năm 2009)



NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

(Giấy phép niêm yết số:/QĐ-SGDHCM do Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày tháng năm)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI & THƯƠNG MẠI – VINALINK

145 – 147 Nguyễn Tất Thành, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 08-3 8255 389

Fax: 08-3 9405 331

Email: headoffice@vinalink.com.vn

Website: www.vinalink.com.vn

CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT

11 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 08-3 9107 678

Fax: 08-3 9107 116

Website: www.bvsc.com.vn

Phụ trách công bố thông tin:

Cô Nguyễn Thị Thanh Trâm - Chức danh: Trợ lý Tổng Giám đốc, Thư ký công ty.

Điện thoại: 08-3 8255 389 (ext 60)

Fax: 08-3 9405 331

Email: tramnt@vinalink.com.vn

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI – VINALINK

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 064162 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 31 tháng 7 năm 1999 và thay đổi lần thứ 7 ngày 19 tháng 5 năm 2007)

Niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh

Tên cổ phiếu	: Cổ phiếu Công ty giao nhận vận tải & thương mại - Vinalink
Loại cổ phiếu	: Phổ thông
Mệnh giá	: 10.000 đ/cổ phiếu
Giá dự kiến niêm yết	: 26.000 đ/cổ phiếu
Tổng số lượng niêm yết	: 8.190.000 cổ phiếu
Tổng giá trị niêm yết	: 81.900.000.000 đ (theo mệnh giá)

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

CÔNG TY KIỂM TOÁN DTL

Lầu 5, Tòa nhà Sài Gòn 3

140 Nguyễn Văn Thủ, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 08-3 8275 026

Fax: 08-3 8275 027

Email: dtlco@horwathdtl.com.vn

Website: www.horwathdtl.com

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT

11 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 08-3 9107 678

Fax: 08-3 9107 116

Website: www.bvsc.com.vn

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
1. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	5
1.1 Rủi ro kinh tế	5
1.2 Rủi ro luật pháp	7
1.3 Rủi ro đặc thù	8
1.4 Rủi ro khác	9
2. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	10
2.1 Tổ chức niêm yết	10
2.2 Tổ chức tư vấn	10
3. CÁC KHÁI NIỆM	11
3.1 Một số khái niệm	11
3.2 Các từ hoặc nhóm từ viết tắt	11
4. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT	13
4.1 Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	13
4.2 Sơ đồ cơ cấu tổ chức và quản lý của Công ty	18
4.3 Danh sách cổ đông	23
4.4 Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức niêm yết, những công ty mà tổ chức niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức niêm yết	24
4.5 Hoạt động kinh doanh	25
4.6 Báo cáo kết quả kinh doanh 2 năm gần nhất	36
4.7 Vị thế và khả năng cạnh tranh của Công ty	40
4.8 Triển vọng phát triển của ngành	42
4.9 Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới	46
4.10 Cơ cấu lao động và chính sách đối với người lao động tại Công ty	46
4.11 Chính sách cổ tức	48
4.12 Tình hình tài chính	49
4.13 Hội đồng quản trị, Ban giám đốc & Kế toán trưởng và Ban kiểm soát	54
4.14 Tài sản cố định	69
4.15 Kế hoạch dự án, lợi nhuận và cổ tức các năm tiếp theo	70
4.16 Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức	72
4.17 Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức niêm yết	72
4.18 Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng đến ngày 30 tháng 03 năm 2009 liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu niêm yết	72
5. CỔ PHIẾU NIÊM YẾT	73
5.1 Loại cổ phiếu	73
5.2 Mệnh giá	73
5.3 Tổng số cổ phiếu niêm yết	73
5.4 Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định	73
5.5 Giá niêm yết dự kiến	73
5.6 Phương pháp tính giá	73
5.7 Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với nhà đầu tư nước ngoài	75
5.8 Các loại thuế có liên quan	76

MỤC LỤC

6. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC NIÊM YẾT	78
6.1 Tổ chức tư vấn	78
6.2 Tổ chức kiểm toán	78
7. PHỤ LỤC	79

1. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Xung quanh các hoạt động kinh doanh của Vinalink luôn luôn tồn tại các rủi ro, bao gồm các rủi ro đặc thù và rủi ro của môi trường hoạt động của Công ty. Những rủi ro này có nhiều tác động ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Vinalink cũng như giá trị của khoản đầu tư tại Công ty. Trong đó, có một số rủi ro có thể được giảm thiểu bằng các chính sách kinh doanh phù hợp của Ban giám đốc Công ty nhưng cũng có nhiều rủi ro nằm ngoài khả năng kiểm soát của Vinalink do chúng phụ thuộc vào các chính sách kinh tế vĩ mô và các quy định của nhà nước hoặc do chúng không thể nào hạn chế được. Phần sau đây trình bày một số, nhưng không phải tất cả, các rủi ro có liên quan đến khoản đầu tư cổ phiếu tại Vinalink. Chúng tôi khuyến cáo các nhà đầu tư nên cân nhắc kỹ lưỡng các rủi ro trình bày dưới đây và những thông tin trong Bản cáo bạch này có khả năng ảnh hưởng xấu đến kết quả hoạt động tương lai của Công ty.

1.1 Rủi ro kinh tế

Những biến động của các yếu tố kinh tế vĩ mô luôn có những tác động rất lớn đối với các hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp. Với các hoạt động tập trung trong lĩnh vực về dịch vụ đại lý vận tải đường biển, đường không, dịch vụ khai quan giao nhận và khai thác kho bãi v.v Vinalink chịu nhiều tác động bởi các yếu tố kinh tế vĩ mô như tốc độ tăng trưởng GDP, kim ngạch xuất nhập khẩu, lạm phát v.v cũng như các chính sách thương mại của Việt Nam đối với các nước khác.

Sự kiện Việt Nam chính thức gia nhập vào WTO vào tháng 1 năm 2007 thực sự vừa là cơ hội và thách thức lớn đối với Công ty.

Các doanh nghiệp Việt Nam hoạt động trong lĩnh vực đại lý vận tải hàng hóa đường biển và đại lý tàu biển sẽ bị tác động nhiều nhất do Việt Nam cam kết cho phép các công ty vận tải biển nước ngoài được thành lập công ty liên doanh với tỷ lệ vốn góp không quá 51% ngay từ khi gia nhập và được thành lập công ty 100% vốn nước ngoài sau 5 năm kể từ khi gia nhập để thực hiện các hoạt động liên quan đến hàng hóa do chính công ty đó vận chuyển bằng đường biển đi, đến Việt Nam nhằm mục đích cung cấp dịch vụ trọn gói cho khách hàng của họ. Đối với dịch vụ xếp dỡ container, Việt Nam cho phép nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài được thành lập liên doanh với tỷ lệ vốn góp không quá 50% và không có lộ trình mở rộng hơn nữa. Ngoài ra, Việt Nam không đưa dịch vụ đại lý tàu biển vào Biểu Cam kết về dịch vụ; do đó Việt Nam hoàn toàn có quyền duy trì các quy định chặt chẽ về dịch vụ đại lý tàu biển để bảo hộ các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực này. Các phân ngành dịch vụ vận tải khác như vận tải đường thủy nội địa và vận tải đường bộ đều có cam kết tương đối chặt chẽ so với quy định của pháp luật hiện hành. Mục tiêu của các cam kết này nhằm tạo điều kiện cho các nhà cung cấp dịch vụ vận tải trong nước (đa số là doanh nghiệp nhỏ và vừa hoặc hộ kinh doanh cá thể) có thời gian để tự đổi mới, nâng cao năng lực cạnh tranh của mình. Tương tự, dịch vụ vận tải đường sắt đang thuộc độc quyền của doanh nghiệp nhà nước, nay chuyển sang hướng tự do hóa cung cấp dịch vụ cho

1. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

mọi thành phần kinh tế nên cũng được xem xét cam kết ở mức độ thận trọng hơn, cho phép thành lập liên doanh đến 49% vốn nước ngoài (*Nguồn: Trích Bài viết “Tác động của việc gia nhập WTO đối với ngành GTVT” của Bà Phạm Thị Phương – Phó vụ trưởng vụ Pháp chế Bộ Giao Thông vận tải & Biểu cam kết dịch vụ gia nhập WTO*).

Việc gia nhập WTO còn tạo nhiều điều kiện thuận lợi để thu hút đầu tư nước ngoài (FDI) và gia tăng các hoạt động xuất nhập khẩu. Riêng 2 năm Việt Nam vào WTO (2007 và 2008), tổng vốn FDI đăng ký mới đạt 85 tỷ USD, gấp hơn 2 lần tổng vốn FDI đăng ký của 19 năm trước cộng lại. Vốn FDI thực hiện trong năm 2008 cũng đạt con số kỷ lục là 11,5 tỷ USD, tăng 43% so với năm 2007 và gấp 2,8 lần năm 2006 (*Nguồn: Cục đầu tư nước ngoài*).

Năm 2007 tổng kim ngạch xuất khẩu cả nước đạt 48,4 tỷ USD tăng 21,5% so với năm 2006, tổng kim ngạch nhập khẩu cả nước năm 2007 đạt 60,78 tỷ USD tăng 35,4% so với năm 2006 (*Nguồn: Bộ Công thương*). Năm 2008, kim ngạch hàng hoá xuất khẩu ước tính đạt 62,9 tỷ USD, tăng 29,5% so với năm 2007 trong khi đó kim ngạch hàng hoá nhập khẩu ước tính 80,4 tỷ USD, tăng 28,3% so với năm 2007 (*Nguồn: Tổng cục Thống kê*).

Những thuận lợi nêu trên thực sự là những cơ hội cho các công ty kinh doanh dịch vụ vận tải nói chung và Vinalink nói riêng trong việc tự nâng cao năng lực cạnh tranh và mở rộng hoạt động kinh doanh, gia tăng doanh thu và thu hút khách hàng.

Bên cạnh những cơ hội lớn, Công ty phải đương đầu với những khó khăn trước mắt và trong tương lai. Đó chính là phải nhanh chóng đổi mới chính mình, nâng cao năng lực cạnh tranh. Nếu không Vinalink sẽ tự đào thải chính mình ra khỏi sân chơi đầy cạnh tranh của thế giới. Rõ ràng, so với các doanh nghiệp nước ngoài thì doanh nghiệp Việt Nam có khả năng cạnh tranh yếu hơn về cơ sở vật chất, trình độ chuyên môn và tập quán giao thương quốc tế. Mạng lưới đại lý - “mạch máu” của dây chuyền cung ứng dịch vụ vận tải đa phương thức của các doanh nghiệp Việt Nam còn nhỏ hẹp. Chỉ có dưới 50% doanh nghiệp giao nhận Việt Nam có đại lý ở nước ngoài, còn lại là nhận làm đại lý cho các hãng giao nhận đa quốc gia. Trong bối cảnh container hóa vận tải quốc tế, điều kiện về cầu cảng, kho bãi, hệ thống giao thông, phương tiện vận tải thủy bộ, đội tàu của Việt Nam không đáp ứng được đòi hỏi thực tế. Đây cũng là một bài toán khó được đặt ra để thực hiện mục tiêu tăng cường sức cạnh tranh của các doanh nghiệp Việt Nam đối với loại hình vận tải đặc thù này. Ngoài ra, Công ty cũng phải đương đầu với nhiều tác động tiêu cực của mức tăng lạm phát đột biến và suy giảm tốc độ tăng trưởng kinh tế trong thời gian vừa qua. Năm 2007 mức độ lạm phát là 12,6% cao nhất trong vòng 11 năm qua (*Nguồn: Tổng cục thống kê*). Trong khi đó, mức lạm phát năm 2008 là 22,97% (*Nguồn: Tổng cục Thống kê*). Mức tăng trưởng GDP năm 2008 là 6,23% so với mức 8,6% năm 2007 (*Nguồn: Tổng cục Thống kê*).

1. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1.2 Rủi ro luật pháp

Việt Nam đã tiến hành điều chỉnh và ban hành nhiều chính sách, luật pháp trong nước theo hướng ngày càng phù hợp hơn với các quy tắc, luật lệ thương mại quốc tế và cam kết gia nhập WTO. Theo đó mà môi trường đầu tư – kinh doanh của Việt Nam đã được cải thiện theo hướng thông thoáng và minh bạch, tạo được niềm tin với các nhà đầu tư nước ngoài và góp phần tăng cường thu hút đầu tư. Cải cách hành chính tuy có đạt được những kết quả nhất định nhưng nhiều khâu còn trì trệ, gây phiền hà và làm tăng chi phí giao dịch. Việt Nam vẫn chưa xây dựng được một bộ chuẩn mực về thủ tục hành chính để áp dụng chung cho các địa phương trên cơ sở phân tích và tổng kết những thực tiễn tốt nhất. Hệ thống pháp luật vẫn thiếu đồng bộ, chồng chéo, vừa kém hiệu quả, vừa tăng gánh nặng pháp lý lên người dân và doanh nghiệp. Môi trường kinh doanh của nước ta, theo đánh giá của Ngân hàng thế giới (WB), vẫn đứng ở nửa dưới của bảng xếp hạng (thứ 91/181). Trong đó, các tiêu chí về thời gian nộp thuế, làm thủ tục hải quan, khả năng tiếp cận nguồn tín dụng, thời gian cần thiết để gia nhập thị trường, phá sản doanh nghiệp là những khâu có vị trí xếp hạng thấp hơn cả (*Nguồn: Tạp chí cộng sản*).

Ví dụ như đối với hoạt động logistics: sự không nhất quán trong các chính sách về thủ tục hải quan, kho bãi và điều hành cảng đã làm cho quy trình trở nên nặng nề và phức tạp. Hơn thế nữa, sự chồng chéo giữa các cơ quan trung ương và địa phương đang làm tăng sự không minh bạch và tăng chi phí và thời gian để xử lý một đơn vị hàng. Việc thiếu hẳn những quy định về vận chuyển đa phương thức và sự phức tạp của thủ tục giấy tờ đã ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động logistics. Điều này làm ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động kinh doanh dịch vụ vận tải của Công ty. Bên cạnh đó, việc các doanh nghiệp Việt Nam nói chung và Vinalink nói riêng chưa nắm vững luật pháp quốc tế, luật pháp của các quốc gia mà dịch vụ giao nhận vận tải Việt Nam có thể liên quan tới cũng là một nguy cơ tiềm ẩn khả năng thua thiệt trong kinh doanh. Để khắc phục hạn chế này, Công ty đã tiến hành tìm hiểu kỹ lưỡng và vận dụng thực hiện các quy định luật pháp quốc tế và ở từng quốc gia thông qua việc thiết lập và sử dụng mạng lưới đại lý là các công ty giao nhận địa phương và công ty đa quốc gia. Bên cạnh đó, ban lãnh đạo Công ty thường xuyên cập nhật các thông tin về Luật hàng hải hoặc các vụ kiện liên quan đến ngành nghề từ báo chí, internet và từ các hiệp hội nghề nghiệp như VIFFAS, VCCI v.v.

Ngoài ra, hiện nay, việc cấp phép hoạt động cho các công ty tư nhân của chính quyền địa phương lại được thực hiện đại trà mà không xem xét khả năng tài chính, cơ sở vật chất của đơn vị xin phép hoạt động. Các qui định về dịch vụ phát chuyển nhanh hiện nay còn được xem là dịch vụ bưu điện chứ chưa được xem là một loại hình dịch vụ logistics và còn chịu sự điều tiết của các nghị định, thông tư về bưu chính viễn thông.

1. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1.3 Rủi ro đặc thù

Rủi ro về nhân sự

Nhân sự là yếu tố then chốt đối với sự phát triển của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ. Trong thời gian vừa qua, Vinalink cũng như một số công ty lớn cùng ngành khác đã phải đương đầu với vấn nạn chảy máu chất xám và giành giật khách hàng. Nhiều nhân sự chủ chốt và những khách hàng lâu năm của Công ty bị lôi kéo. Điều đó gây ra nhiều tác động tiêu cực đối với hoạt động của Công ty. Tuy nhiên, Ban lãnh đạo Công ty đã thực hiện nhiều biện pháp cần thiết và kịp thời để giữ lại những cán bộ có năng lực cũng như đảm bảo tư tưởng làm việc ổn định cho toàn bộ người lao động trong Công ty như tạo điều kiện cho họ được nắm cổ phần, được phân quyền xử lý công việc được giao, cải thiện thu nhập tương ứng với mức tăng trưởng về doanh thu và lợi nhuận của Công ty. Chính vì thế lực lượng lao động của Vinalink đến nay đã có những bước tiến đáng kể về số lượng cũng như chất lượng.

Sự thiếu hụt trầm trọng nhân lực có kinh nghiệm và chất lượng cao trong ngành logistics không chỉ là một thách thức đối với các doanh nghiệp kinh doanh logistics nói chung và Vinalink nói riêng mà còn là một thách thức đối với các tập đoàn đa quốc gia đang hoạt động ở Việt Nam. Bên cạnh đó, việc không có sự liên kết nào giữa các doanh nghiệp cùng ngành càng khiến hoạt động logistics càng trở nên thiếu chuyên nghiệp vì các dịch vụ vận tải giao nhận thông quan hàng hóa xuất nhập khẩu không thể tạo thành một chuỗi liên tục để đảm bảo hàng hóa được vận chuyển trọn gói từ nhà sản xuất – vận tải - người tiêu dùng. Điều này góp phần làm giảm sức cạnh tranh của các doanh nghiệp trong nước nói chung và Vinalink nói riêng.

Rủi ro về cạnh tranh

Công ty hoạt động trong một môi trường cạnh tranh gay gắt. Hiện nay, có 373 doanh nghiệp đăng ký kinh doanh hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ hàng hải (*Nguồn: Công ty cổ phần chuyển giao công nghệ Trường Thịnh*) và khoảng 1000 doanh nghiệp cung cấp dịch vụ đại lý vận tải và giao nhận hàng hóa trong đó có khoảng 20 công ty liên doanh với nước ngoài (*Nguồn: Tạp chí Logistics số 14/2009*). Do đó tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty có thể bị tác động tiêu cực từ các hành động của các đối thủ cạnh tranh hiện tại và cả các đối thủ cạnh tranh tiềm năng. Tuy nhiên, với những thế mạnh của mình như hệ thống cơ sở vật chất tương đối hiện đại có vị thế thuận lợi gần trung tâm thành phố và các phương tiện chuyên ngành như kho bãi, xe vận tải các loại với quy mô tương đối lớn so với các đơn vị khác; với bề dày kinh nghiệm nghiệp vụ và thị trường từ hơn 30 năm kể từ khi còn là 1 bộ phận của công ty Vinatrans; cũng như có hệ thống đại lý khá rộng và đội ngũ CBNV kết hợp nhiều độ tuổi, kinh nghiệm và trình độ các mặt, Vinalink tự tin hoạt động hiệu quả trong thị trường cạnh tranh gay gắt như hiện nay.

1. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1.4 Rủi ro khác

Các rủi ro khác như thiên tai, dịch họa... do thiên nhiên gây ra là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn về tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty.

2. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

2.1 Tổ chức niêm yết: *Công ty cổ phần Giao nhận Vận tải và Thương mại - Vinalink*

Ông	Nguyễn Nam Tiến	Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám Đốc
Bà	Phan Phương Tuyền	Chức vụ: Trưởng Ban kiểm Soát
Bà	Trần Thị Bình	Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2.2 Tổ chức tư vấn: *Chi nhánh Công ty cổ phần chứng khoán Bảo Việt (BVSC)*

Ông **Võ Hữu Tuấn** - Chức vụ: Phó Tổng Giám Đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh, Đại diện theo pháp luật Công ty cổ phần chứng khoán Bảo Việt (BVSC) theo Giấy uỷ quyền số 09/2009/UQ-BVSC ngày 21 tháng 01 năm 2009.

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết chứng khoán tại Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh do Công ty cổ phần chứng khoán Bảo Việt (BVSC) tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn số 32/2008/BVSC - TV ký ngày 30 tháng 5 năm 2008 với Công ty cổ phần Giao nhận vận tải và Thương mại – VINALINK. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty cổ phần Giao nhận vận tải và Thương mại - VINALINK cung cấp.

3. CÁC KHÁI NIỆM

3.1 Một số khái niệm:

Một số khái niệm trình bày trong Bản cáo bạch này có thể được hiểu như sau:

- o “Công ty” hay “VINALINK” là Công ty cổ phần Giao nhận vận tải và Thương mại, được gọi tắt là VINALINK;
- o “Công ty kiểm toán DTL” là công ty kiểm toán độc lập, thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của VINALINK, bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính được soạn thảo theo hệ thống chế độ kế toán Việt Nam;
- o “Bản cáo bạch” là bản thông cáo của tổ chức niêm yết về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh và kế hoạch phát triển của doanh nghiệp nhằm cung cấp thông tin cho công chúng đánh giá và đưa ra các quyết định đầu tư chứng khoán;
- o “Vốn điều lệ” là vốn được ghi vào điều lệ của VINALINK;
- o “Cổ đông” là mọi thể nhân hay pháp nhân được ghi tên sổ đăng ký cổ đông của Công ty với tư cách là người sở hữu cổ phiếu.

3.2 Các từ hoặc nhóm từ viết tắt:

- o Giấy CNĐKKD: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
- o BVSC: Chi nhánh Công ty cổ phần chứng khoán Bảo Việt;
- o TNHH: Trách nhiệm hữu hạn;
- o ĐHĐCĐ: Đại hội đồng cổ đông;
- o HĐQT: Hội đồng Quản trị;
- o BKS: Ban kiểm soát;
- o BGĐ: Ban giám đốc;
- o KTT: Kế toán trưởng;
- o CBCNV: Cán bộ công nhân viên;
- o Điều lệ Công ty: Điều lệ của Công ty cổ phần Giao nhận Vận tải và Thương mại;
- o HL: Công ty TNHH Hapag Lloyd (Vietnam) - Liên doanh giữa Công ty cổ phần Giao nhận Vận tải và Thương mại VINALINK và Hapag Lloyd Aktiengesellschaft (Germany);
- o RCL: Công ty TNHH RCL (Vietnam) - Liên doanh giữa Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải và Thương mại VINALINK và RCL Feeder Pte. Ltd (Singapore);
- o KONOIKE: Công ty liên doanh vận tải Việt Nhật - Liên doanh giữa Công ty cổ phần Giao nhận vận tải và thương mại VINALINK, Công ty Giao nhận kho vận ngoại thương thành phố Hồ Chí Minh (Vinatrans), Công ty cổ phần vận tải ngoại thương (Vinafreight) và Konoike Transportation Co., Ltd (Japan);

3. CÁC KHÁI NIỆM

- o FC: Công ty Liên doanh dịch vụ Đại lý vận chuyển - Liên doanh giữa Công ty cổ phần Giao nhận Vận tải và Thương mại VINALINK và Freight Consolidators Pte., Ltd (Singapore);
- o LCM: Công ty TNHH Điều hành vận chuyển hàng hóa liên kết - Liên doanh giữa Công ty cổ phần Giao nhận Vận tải và Thương mại VINALINK và Freight Consolidators Pte., Ltd (Singapore).
- o EXW: Giá xuất xưởng (Ex-work)
- o DDU: Giao chưa nộp thuế (Delivery duty unpaid)
- o DDP: Giao đã nộp thuế (Delivery duty paid)
- o LCL: Hàng lẻ (Less container load)
- o FCL: Hàng nguyên container (Full container load)
- o IT: Công nghệ thông tin (information technology)
- o MIS: Hệ thống quản lý thông tin (Management information system)
- o CFS : Kho chia lẻ hàng (Container freight station)
- o VIFFAS: Hiệp hội Giao nhận Kho vận Việt Nam (Vietnam Freight Forwarders Associations)
- o IATA: Hiệp hội Vận tải Hàng không quốc tế (International Air Transport Association)
- o FIATA: Hiệp hội Giao nhận Kho vận quốc tế International Federation of Freight Forwarders Associations
- o VCCI: Phòng Thương mại Công nghiệp Việt Nam (Vietnam Chamber of Commerce Industry)
- o TEU: Đơn vị đo lường tương đương 20 foot (Twenty-foot equivalent units)
- o GSA: Tổng đại lý (General Sales Agent)
- o Tàu feeder: Tàu container cỡ nhỏ

4. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

4.1 Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

a. Thông tin chung

Tên công ty: Công ty cổ phần Giao nhận Vận tải và Thương mại

Tên giao dịch: VINALINK INTERNATIONAL FREIGHT FORWARDERS

Tên viết tắt: VINALINK

Biểu tượng: 

Người đại diện pháp luật: Ông Nguyễn Nam Tiến - Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc

Trụ sở chính: 145-147 Nguyễn Tất Thành, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 08-8255 389

Fax: 08-9405 331

Website: www.vinalink.com.vn

Email: headoffice@vinalink.com.vn

Vốn điều lệ: 90.000.000.000 VNĐ

Vốn thực góp: 81.900.000.000 VNĐ

b. Quá trình hình thành phát triển

Công ty cổ phần Giao nhận vận tải và Thương mại - tên giao dịch Vinalink chính thức hoạt động từ ngày 01/9/1999. Sau đây là một số sự kiện chủ yếu theo thời gian trong quá trình hình thành và phát triển của Công ty.

- o *Năm 1978:* Công ty Vietrans Saigon (nay là Vinatrans) nhận bàn giao và đưa vào khai thác khu kho hàng tại 145 Nguyễn Tất Thành, phường 13, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh.
- o *Năm 1981:* Công ty Vietrans Saigon (nay là Vinatrans) nhận bàn giao và đưa vào khai thác khu kho và văn phòng tại 147 Nguyễn Tất Thành, phường 13, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh. Kể từ 11/1981 Khu vực kho và văn phòng 145 -147 Nguyễn Tất Thành được thống nhất khi khai thác kinh doanh bảo quản hàng hóa bởi một đơn vị là Kho 145 với quy mô diện tích hơn 16.000 m², trong đó diện tích kho kiên cố là 10.000 m².
- o *Năm 1993:* Công ty Vietrans Saigon (nay là Vinatrans) thành lập phòng Đại lý Hapag - Lloyd với tên giao dịch Vinalink, nhiệm vụ chủ yếu là làm đại lý cho hãng tàu Hapag - Lloyd (Đức).
- o *Năm 1995:* Công ty Vinatrans đưa tòa nhà văn phòng tại 147 Nguyễn Tất Thành, quy mô 1 trệt 3 lầu với diện tích sử dụng gần 2.000 m² vào sử dụng.

4. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

- o *Năm 1996:* Công ty Vinatrans đăng ký và được Cục Sở hữu công nghiệp cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa cho các tên giao dịch thương mại của Công ty, trong đó có các tên Vinalink, Vinaconsol, các Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa này đã được chuyển nhượng cho Công ty cổ phần Vinalink và đã được đăng ký có hiệu lực đến năm 2015.
- o *Năm 1998:* Công ty Vinatrans thành lập Xí nghiệp Đại lý Vận tải và Gom hàng với tên giao dịch là Vinaconsol.
- o *Năm 1999:*
 - 24/6/1999: Bộ trưởng Bộ Thương mại ban hành Quyết định số 0776/1999/QĐ-BTM phê duyệt Phương án cổ phần hóa một bộ phận Doanh nghiệp nhà nước Vinatrans, chuyển Xí nghiệp Đại lý vận tải và gom hàng thành Công ty cổ phần Giao nhận vận tải và thương mại, tên giao dịch: Vinalink; vốn điều lệ 8 tỷ VNĐ (nhà nước giữ 10%); chuyên kinh doanh các dịch vụ giao nhận vận tải, kho bãi, văn phòng, xuất nhập khẩu.
 - 16/7/1999: Đại hội đồng cổ đông thành lập công ty hợp thông qua điều lệ, cơ cấu tổ chức bộ máy, bầu HĐQT và BKS. Theo đó cơ cấu tổ chức bộ máy Công ty bao gồm: Ban Giám đốc, Phòng Đại lý vận tải và gom hàng, Phòng đại lý hãng tàu Hapag - Lloyd, Kho 145 Nguyễn Tất Thành, Phòng kế toán - Hành chính. Ngày 16/7/1999 được lấy làm ngày thành lập Công ty. Ngày 01/9/1999, Công ty chính thức hoạt động theo tư cách pháp nhân đã đăng ký với Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh tại ngày 31/7/1999.
- o *Năm 2000:*
 - 07/3/2000: Vinalink gia nhập Hiệp hội Giao nhận Kho vận Việt Nam VIFFAS.
 - 05/4/2000: Vinalink trở thành hội viên Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam VCCI.
 - 24/6/2000: Tổ chức đánh giá quốc tế DNV (Na Uy) chứng nhận Vinalink thực hiện hệ thống quản trị chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 9002, nay là ISO 9001 : 2000.
- o *Năm 2001:*
 - 01/01/2001 Phòng Giao nhận hàng hàng không được thành lập và chính thức hoạt động tại văn phòng A8 Trường Sơn, Quận Tân Bình, sau chuyển về 44 Trường Sơn, Quận Tân Bình.
 - 01/9/2001: Phòng Logistics được thành lập và chính thức hoạt động.
- o *Năm 2002:*
 - Vinalink gia nhập Hiệp hội Giao nhận quốc tế FIATA.
 - 13/5/2002 Công ty tăng vốn điều lệ lên gấp 3 lần, vốn điều lệ mới là 24 tỷ VNĐ.

4. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

o *Năm 2003:*

- Tháng 6/2003: Vinalink góp vốn trở thành một trong ba bên phía Việt Nam trong công ty liên doanh vận tải Việt - Nhật (Konoike Vina).
- Tháng 8/2003: Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen cho Công ty, Chủ tịch nước thưởng Huân chương Lao động hạng ba cho Giám đốc Công ty.
- Tháng 10: Vinalink cùng Freight Consolidators Pte., Ltd. (Singapore) thành lập công ty liên doanh Đại lý vận chuyển FC (Vietnam) chuyên kinh doanh dịch vụ đại lý cho các hãng hàng không quốc tế như British Airways, Royal Brunei Airlines...

o *Năm 2004:*

- Văn phòng Công ty tại Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore (Bình Dương) chính thức hoạt động.
- Tháng 9: Công ty kỷ niệm 5 năm hoạt động và đón nhận Huân chương Lao động hạng ba do Chủ tịch nước khen thưởng về những thành tích xuất sắc trong 5 năm 1999 - 2003, góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.
- 11/10/2004: Tổng cục Hải quan cấp phép thành lập Kho ngoại quan Vinalink tại 145 Nguyễn Tất Thành. Tháng 12/2004 Kho ngoại quan Vinalink tiếp nhận lô hàng đầu tiên của khách hàng Schneider Electric Overseas Asia Pte.,Ltd.
- Tháng 12/2004: Vinalink tham gia thành lập Công ty TNHH 3 thành viên vận tải ô tô V-Truck.

o *Năm 2005:*

- 01/01/2005: Chi nhánh Công ty tại Hà Nội chính thức hoạt động tại số 2 Bích Câu, Quận Đống Đa, Hà Nội. Từ đầu năm 2006 chuyển về tầng 11 cao ốc 14 Láng Hạ, Quận Ba Đình, Hà Nội.
- 01/4/2005: Công ty TNHH RCL (Việt Nam) - Công ty liên doanh giữa Vinalink (45% vốn), SGN và Hãng tàu RCL (Singapore) chính thức hoạt động.
- 01/8/2005: Công ty TNHH Hapag - Lloyd (Việt Nam) - Công ty liên doanh giữa Vinalink và Hãng tàu Hapag-Lloyd (Đức) chính thức hoạt động.
- Tháng 7/2005: Công ty tăng vốn điều lệ lên 36 tỷ VNĐ.
- 15/9/2005: Bộ Giao thông vận tải cấp phép kinh doanh vận tải đa phương thức cho Vinalink.

o *Năm 2006:*

- 01/01/2005: Vinalink Hà Nội chuyển về địa điểm mới tại tầng 11, cao ốc 14 Láng Hạ, Quận Ba Đình, Hà Nội.
- Từ tháng 8 triển khai hoạt động dịch vụ giao nhận, bảo quản, phân phối thiết bị cho khách hàng tại địa điểm Sóng thần (Bình Dương).

4. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

- Từ 04/9/2006 chính thức triển khai dịch vụ chuyển phát nhanh nội địa -Vinalink Express.
- Tháng 10/2006 Công ty được Bộ Khoa học và công nghệ trao tặng Cúp vàng ISO - giải thưởng dành cho các đơn vị có thành tích xuất sắc trong việc áp dụng hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn quốc tế vào hoạt động sản xuất - kinh doanh.
- Tháng 11/2006 Vinalink ký kết thỏa thuận hợp tác cùng Techcombank triển khai dịch vụ "Tài chính - Kho vận" cung cấp cho khách hàng dịch vụ trọn gói về tài chính - tín dụng - thanh toán - giao nhận - vận chuyển - bảo quản hàng hóa.
- o Năm 2007:
 - 01/10/2007: Công ty TNHH Điều hành vận chuyển hàng hóa liên kết (Đại lý cho Hãng Hàng không CargoLux) - Công ty liên doanh giữa Vinalink (51% vốn), FC (Singapore) chính thức hoạt động.
 - Tháng 12/2007 Công ty tăng vốn điều lệ lên 90 tỷ VNĐ.
- o Năm 2008:

Tháng 10 : Vinalink được trao Giải thưởng –Cúp vàng “**Công ty cổ phần hàng đầu Việt Nam**” năm 2008 do Hiệp hội Kinh doanh Chứng khoán Việt Nam, Trung tâm thông tin Tín dụng – NHNN, Tạp chí Chứng khoán –UBCKNN và 1 số cơ quan chức năng tổ chức bình chọn và trao tặng

Trong 9 năm hoạt động, tuy có nhiều khó khăn do cạnh tranh gay gắt cả về dịch vụ và nhân sự bởi số lượng các đơn vị cùng ngành nghề trên địa bàn tăng nhanh; khi chuyển sang cổ phần hóa Công ty là một trong số ít các đơn vị tiên phong của Bộ Thương mại vì vậy Công ty đã gặp không ít khó khăn trong mô hình quản lý mới, nhiều khó khăn liên quan đến việc xử lý các quan hệ trong kinh doanh với cơ quan chức năng. Tuy nhiên, do Công ty được cổ phần hóa từ một bộ phận kinh doanh của Công ty Giao nhận kho vận ngoại thương thành phố Hồ Chí Minh nên được thừa hưởng những thuận lợi về cơ sở ban đầu như: tổ chức, nhân sự và cơ sở vật chất cũng như kinh nghiệm nghiệp vụ, tập thể Công ty đã có định hướng và tiếp tục kiên trì định hướng phát triển đa dạng dịch vụ, xây dựng và phát triển hệ thống đại lý mới trên toàn cầu với nhiều biện pháp cụ thể đồng bộ nên đã hoàn thành toàn diện vượt mức các chỉ tiêu chủ yếu của những năm vừa qua.

- c. **Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo Giấy CNĐKKD lần đầu ngày 31 tháng 7 năm 1999, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 07 tháng 05 năm 2009.**
- o Kinh doanh các dịch vụ: giao nhận vận tải, kho, gom hàng xuất khẩu, dịch vụ thủ tục hải quan và các dịch vụ khác: tái chế, bao bì, mua bảo hiểm, giám định, kiểm kiện;
 - o Đại lý tàu biển, đại lý lưu cước, quản lý vỏ container cho các hãng tàu;
 - o Đại lý giao nhận cho các hãng giao nhận vận tải nước ngoài;

4. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

- o Kinh doanh: kho bảo quản hàng hoá, vận tải hàng hoá.
- o Kinh doanh xuất nhập khẩu, nhận uỷ thác xuất nhập khẩu hàng hoá theo quy định của pháp luật;
- o Gia công nút áo bằng vỏ sò, đồ gỗ;
- o Đại lý cho công ty chuyển phát nhanh nước ngoài;
- o Gia công quần áo và hàng gia dụng bằng nylon - nhựa PVC;
- o Gia công hàng dệt may;
- o Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng;
- o Kinh doanh nhà;
- o Đại lý bán vé máy bay, đại lý vận chuyển hàng hoá;
- o Kinh doanh vận tải đa phương thức;
- o Chuyển phát.

Những thành tích Công ty đạt được

Năm	Thành tích đạt được
2002	Bằng khen, cờ thi đua hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2002 của Bộ Thương Mại
8/2003	Bằng khen của Thủ Tướng Chính phủ
2003	Cờ thi đua hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2003 của Chính phủ
09/2003	Huân chương Lao động Hạng 3 của Chủ tịch nước Bằng ĐƠN VỊ VĂN HÓA do UBND TP.Hồ Chí Minh cấp
2004	Bằng khen, cờ thi đua hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2004 của Bộ Thương Mại Bằng THƯƠNG HIỆU MẠNH do Thời báo Kinh tế Việt Nam cấp
2005	Bằng khen, cờ thi đua hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2005 của Bộ Thương Mại Bằng khen của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam về thành tích đóng góp tích cực vào sự phát triển của cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam
2006	Bằng khen hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2006 của Bộ Thương Mại Cúp vàng ISO do Bộ Khoa học và Công nghệ tặng
2007	Bằng khen hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2007 của Bộ Công Thương Bằng ĐƠN VỊ VĂN HÓA 2 năm 2006-2007 của UBND Quận 4 cấp
2008	Giải thưởng Cúp vàng – “Công ty cổ phần hàng đầu Việt Nam” – Năm 2008. Bằng khen của Bộ Công Thương về thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2008

4. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

4.2 Sơ đồ cơ cấu tổ chức và quản lý của Công ty



Đại hội đồng cổ đông:

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty, Đại hội cổ đông có các quyền và nhiệm vụ sau:

- Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần chào bán của từng loại, quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát gây thiệt hại cho công ty và cổ đông của Công ty;
- Quyết định tổ chức lại và giải thể Công ty;
- Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty, trừ trường hợp điều chỉnh vốn do bán thêm cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần được quyền chào bán quy định tại Điều lệ Công ty;
- Thông qua Báo cáo tài chính hàng năm;
- Thông qua định hướng phát triển công ty; quyết định bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán Công ty;
- Quyết định mua lại hơn 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Pháp luật và của Điều lệ Công ty.

4. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty giữa 2 kỳ Đại hội cổ đông. Hội đồng quản trị có 5 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, có nhiệm kỳ là 5 năm và có thể bãi miễn hoặc bầu bổ sung thành viên thay thế cho đến hết nhiệm kỳ. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị gồm:

- Toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi việc liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những việc thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông;
- Quyết định chiến lược phát triển Công ty;
- Quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- Quyết định phương án đầu tư, quyết định giải pháp phát triển thị trường; tiếp thị và công nghệ; thông qua hợp đồng mua bán, vay cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ sách kế toán Công ty;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Tổng Giám Đốc và các cán bộ quản lý quan trọng khác của Công ty; quyết định mức lương và lợi ích khác của các cán bộ quản lý đó. Duyệt thang bảng lương, các chức danh công việc của Công ty.;
- Quyết định cơ cấu tổ chức; quy chế quản lý nội bộ công ty. Quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của Doanh nghiệp khác.

Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát của VINALINK có 3 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu ra từ các cổ đông của Công ty. Trong Ban kiểm soát có ít nhất 1 kiểm soát viên có chuyên môn và bằng cấp về tài chính kế toán. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát cử ra trong số các thành viên được Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát là 5 năm. Thành viên Ban kiểm soát không được là thành viên của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, không phải là người thân (cha, mẹ, vợ, chồng, con) của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Kế toán trưởng. Nhiệm vụ của Ban kiểm soát gồm :

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý điều hành hoạt động kinh doanh, trong ghi chép sổ kế toán và báo cáo tài chính;
- Thẩm định báo cáo tài chính hàng năm của Công ty;
- Thường xuyên thông báo Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động ; tham khảo ý kiến của Hội Đồng quản trị trước khi trình các báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;

4. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

- Báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực, hợp pháp của việc ghi chép, lưu giữ chứng từ và lập sổ kế toán, báo cáo tài chính, các báo cáo khác của công ty; tính trung thực, hợp pháp trong quản lý điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;
- Kiến nghị biện pháp bổ sung, sửa đổi, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc Công ty gồm :

- Quyết định về tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty;
- Ký hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật và sự phê duyệt của Hội đồng quản trị;
- Quyết định lương và phụ cấp đối với người lao động trong Công ty, trên cơ sở thang bảng lương chức danh do Hội đồng quản trị duyệt;
- Thay mặt Công ty ký kết hợp đồng kinh tế với các tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước;
- Hàng tháng báo cáo Hội đồng quản trị tình hình hoạt động tài chính, kết quả kinh doanh và chịu trách nhiệm về hoạt động kinh doanh của Công ty trước Hội đồng quản trị;
- Đại diện cho Công ty trước pháp luật;
- Tổng Giám đốc có các Phó Tổng Giám đốc giúp việc .

Phòng Xuất – Nhập Đường Biển: có nhiệm vụ

- Cung cấp cho khách hàng dịch vụ Gửi hàng Xuất khẩu bằng đường biển từ Việt Nam đi mọi nơi trên thế giới (LCL/FCL);
- Cung cấp dịch vụ Hàng nhập từ các nơi trên thế giới về Việt Nam;
- Cung cấp dịch vụ hàng nguyên Container (FCL/FCL) với giá cạnh tranh và có hỗ trợ phí lưu kho;
- Giao nhận hàng với các điều kiện EXW hoặc DDU/DDP.

Phòng Xuất Nhập đường biển luôn đảm bảo chất lượng dịch vụ bởi các tuyến đi thẳng thông qua mạng lưới đại lý lâu năm và có uy tín, giá cạnh tranh và thời gian chuyển tải nhanh nhất, luôn gắn với bảo hiểm trách nhiệm người vận tải.

Phòng Hàng Không: có nhiệm vụ

- Giao nhận từ kho chủ hàng hoặc sân bay đến sân bay hoặc kho người nhận với đa dạng các mặt hàng: giày dép, may mặc thời trang, hàng máy móc thiết bị, hàng thủ công mỹ nghệ, hàng rau quả;

4. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

- Vận chuyển kết hợp đường biển và đường hàng không;
- Làm đại lý cho các công ty chuyển phát nhanh trong và ngoài nước, dịch vụ chuyển phát nhanh nội địa (chứng từ, hàng mẫu, hàng thương phẩm);
- Giao nhận hàng với các điều kiện EXW hoặc DDU/DDP;
- Gom hàng lẻ xuất khẩu và chia lẻ hàng nhập khẩu;
- Cung cấp dịch vụ khai quan và giao nhận nội địa;
- Cung cấp dịch vụ đại lý hải quan;
- Làm đại lý bán cước và hợp đồng vận chuyển với nhiều hãng hàng không lớn trên thế giới cam kết tại Việt Nam: Vietnam Airlines, Singapore Airlines, Thais Airways, All Nippon Airways, British Airways, China Airlines, CargoLux,...

Phòng Logistics: có nhiệm vụ

- Cung cấp dịch vụ dịch vụ thủ tục hải quan và các dịch vụ khác : tái chế, bao bì, mua bảo hiểm, giám định, kiểm kiện cho các công ty xuất nhập khẩu, các nhà máy trên toàn quốc và khách hàng nước ngoài;
- Cung cấp dịch vụ đại lý hàng hải trọn gói đối với tàu container định tuyến, bao gồm thủ tục và giao nhận hàng hoá xuất nhập khẩu, quản lý khai thác dịch vụ container, lưu cước, quản lý vỏ container của hãng tàu;
- Cung cấp dịch vụ vận tải đa phương thức;
- Thực hiện dịch vụ Kho ngoại quan;
- Tư vấn về mua bảo hiểm hàng hoá;
- Nhận uỷ thác xuất nhập khẩu với mức phí hợp lý và theo quy định của pháp luật, gia công đồ gỗ, hàng bằng vỏ sò, đồ gia dụng bằng nylon- PVC, hàng dệt may,...;
- Vận chuyển, phân phối hàng dự án, triển lãm,...;
- Điều hành đội xe vận tải Container và xe vận tải nhẹ cung cấp dịch vụ vận chuyển nội địa bằng đường bộ,...

Kho 145: có nhiệm vụ

- Cung cấp dịch vụ bảo quản hàng hóa;
- Cung cấp dịch vụ bốc xếp, nâng hạ,...

Phòng Kế Toán – Hành Chính: có nhiệm vụ

- Quản lý các Dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, thuê và cho thuê văn phòng ,kinh doanh nhà, đầu tư tài chính;
- Quản lý các quá trình tài chính trong Công ty;

4. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

- Quản lý kho, bãi vật tư, tài sản của Công ty;
- Tổ chức xây dựng và thực hiện kế hoạch tài chính kế toán và nguồn vốn phục vụ mục đích kinh doanh;
- Tính toán hiệu quả kinh tế cho các phương án kinh doanh của Công ty trong từng thời kỳ;
- Tham mưu cho ban giám đốc trong công tác quản lý hành chính, nhân sự của Công ty;
- Quản lý con dấu, công văn, giấy tờ, sổ sách hành chính;
- Tham mưu cho Ban giám đốc trong công tác quản lý hệ thống chất lượng;
- Xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng, giám sát việc thực hiện hệ thống quản lý chất lượng TCVN theo hệ thống ISO 9001:2000,...
- Đề xuất sửa đổi hệ thống quản lý chất lượng khi cần thiết.

Phòng IT (MIS): có nhiệm vụ

- Chịu trách nhiệm về quản lý hệ thống thông tin;
- Đảm bảo hoạt động hệ thống email, và một số hệ thống khác trong Công ty;
- Cập nhật thông tin cho Website của Công ty hằng ngày.

Chi Nhánh Hà Nội: có nhiệm vụ

- Cung cấp đầy đủ các dịch vụ vận tải đường không, đường biển, dịch vụ khai quan giao nhận vận tải, dịch vụ kho bãi và vận tải và đặc biệt là dịch vụ vận chuyển đường sắt nội địa, quốc tế (Kazakhstan, Uzbekistan, Mông Cổ, Rusia,...). Bên cạnh đó, Chi nhánh cũng đảm nhiệm vai trò là cầu nối và đại diện cho Công ty trong các quan hệ giao dịch với các đối tác kinh doanh, các cơ quan quản lý nhà nước trung ương và khu vực Hà Nội.

Địa chỉ giao dịch của Trụ sở chính, chi nhánh và các văn phòng đại diện

Trụ sở chính:

Địa chỉ: 145-147 Nguyễn Tất Thành, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (08) 38255 389 – (08) 39434 290

Fax: (08) 39405 331 – (08) 39405 329

Email: headoffice@vinalink.com.vn

4. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Lầu 10, 11 – Cao ốc 14 Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (04) 37724 234

Fax: (04) 37724 235

Email: vinalink-han@vinalink.com.vn

Văn phòng hàng không

Địa chỉ: 44 Trường Sơn, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (08) 38487 252

Fax: (08) 38487 250

Email: vinalink-air@vinalink.com.vn

Văn phòng Bình Dương

Địa chỉ: Số 01 – 15, Số 2, VSIP, Tỉnh Bình Dương

Điện thoại: (0650) 3784 407

Fax: (0650) 3784 408

Email: vinalink-bdg@vinalink.com.vn

Văn phòng Đà Nẵng

Địa chỉ: 184 Trần Phú, Thành phố Đà Nẵng

Điện thoại: (0511) 3871 493

Fax: (0511) 3821 310

Email: vinalink-dan@vinalink.com.vn

Văn phòng Hải Phòng

Địa chỉ: 72 đường bao Trần Hưng Đạo, P.Đông Hải, Q.Hải An, TP. Hải Phòng

Điện thoại: (0313) 979 582

Fax: (0313) 979 583

Email: vinalink-hph@vinalink.com.vn

4.3 Danh sách cổ đông

a. Cơ cấu vốn thực góp của Công ty tại thời điểm 18/06/2009

Stt	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)
1	Trong nước	467	8.088.000	98,75
	<i>Tổ chức</i>	5	1.535.000	18,74
	<i>Cá nhân</i>	462	6.553.000	80,01
2	Ngoài nước	3	102.000	1,25
	<i>Tổ chức</i>	1	80.000	0,98

4. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

	Cá nhân	2	22.000	0,27
3	Cổ phiếu quỹ	-	-	-
	Tổng cộng	470	8.190.000	100,00

b. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty tại ngày 18/06/2009

Stt	Cổ đông	Địa chỉ	Số Giấy CNDKKD	Số cổ phần	Giá trị	Tỷ lệ (%)
1	Công ty Giao nhận kho vận ngoại thương thành phố Hồ Chí Minh (Vinatrans)	406 Nguyễn Tất Thành, Quận 4, Thành phố HCM	103384	900.000	9.000.000.000	10,99
2	Công ty cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương (Vinatrans Hà Nội)	2 Bích Câu, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội	0103002086	460.000	4.600.000.000	5,62

4.4 Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức niêm yết, những công ty mà tổ chức niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức niêm yết:

Danh sách công ty mà Vinalink đang có cổ phần chi phối đến 31/12/2008:

Stt	Tên công ty	Mối quan hệ với Vinalink	Địa chỉ	Số Giấy CNDKKD	Vốn pháp định/Vốn đầu tư	Tỷ lệ vốn góp của Vinalink
1	Công ty Liên doanh dịch vụ Đại lý vận chuyển - FC (Vietnam)	Công ty liên doanh	44 Trường Sơn, Q. Tân Bình, TPHCM	550/ GP-HCM	450.000 USD	51,00%
2	Công ty TNHH Điều hành vận chuyển hàng hóa liên kết - LCM	Công ty liên doanh	147 Nguyễn Tất Thành, Q. 4, TPHCM	411022000133	400.000 USD	51,00%
3	Công ty TNHH Hapag Lloyd (Vietnam)	Công ty liên doanh	147 Nguyễn Tất Thành, Q. 4, THCM	862/GP-HCM	200.000 USD	49,00%
4	Công ty TNHH RCL (Vietnam)	Công ty liên doanh	147 Nguyễn Tất Thành, Q. 4, THCM	782/GP-HCM	200.000 USD	45,00%
5	Công ty cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương (Vinatrans Hà Nội)	Công ty liên kết	2 Bích Câu, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội	0103002086	52.800.000.000 VNĐ	25,00%
6	Công ty cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng)	Công ty liên kết	184 Trần Phú, Đà Nẵng	3203000048	15.000.000.000 VNĐ	29,28%

4. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

Hiện tại, không có công ty nào nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với VINALINK.

4.5 Hoạt động kinh doanh

a. **Sản phẩm/ Dịch vụ:** Công ty VINALINK cung cấp các loại hình dịch vụ chính như sau:



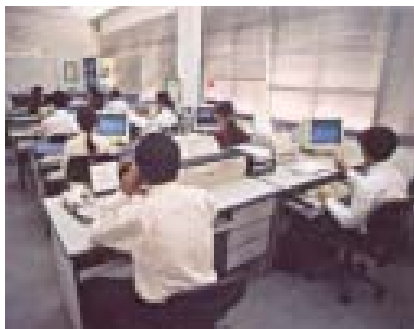
Đại lý vận tải đa phương thức:

Dịch vụ đại lý vận tải đa phương thức của VINALINK bao gồm tất cả các loại hình đại lý vận tải nội địa và quốc tế bao gồm đường biển, đường không, đường sắt và đường bộ. Tổng doanh thu trong năm 2008 đối với dịch vụ này là 152 tỷ đồng, chiếm khoảng 64,6% trên tổng doanh thu của Công ty.



Hiện nay VINALINK đang có một hệ thống đại lý nước Ngoài rộng khắp thế giới như Vantec World Transport, Global Container Freight, Freight Link Singapore, Skylift Consolidation, KMTC, Hansa, Jaguar Logistics, Ziegler, Alisped, Davies Turner, Secure, UFM,..., và có hợp đồng đại lý hàng hóa với hầu hết các hãng hàng không trong nước và quốc tế đang hoạt động ở Việt Nam như Việt Nam Airline, Eva Air, China Airlines, Asiana Airlines, Singapore Airlines, Lufthansa, Nippon Airways, Thai Airways Cargo Lux, Royal Brunei Airlines, British Airways v.v...

Các mặt hàng chủ yếu mà VINALINK làm dịch vụ vận tải là hàng linh kiện điện tử, giày dép, quần áo, hàng bách hoá và thủy sản tươi sống đi các thị trường Châu Âu, Mỹ, Nhật Bản, Đài Loan và một số nước ở khu vực Đông Bắc Châu Á.



Tất cả các dịch vụ nêu trên được thực hiện tại tất cả các cảng và sân bay quốc tế trên khắp Việt Nam.

Dịch vụ khai quan và giao nhận vận tải

Đây là khâu dịch vụ hỗ trợ cho dịch vụ đại lý vận tải đa phương thức từ công việc khai quan, kiểm hóa,

4. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT



đóng gói bao bì, bảo hiểm,... giao nhận vận tải các sản phẩm từ nhà máy đến các điểm tiêu thụ, cửa hàng bán lẻ, dịch vụ giao nhận, đóng hàng lẻ và container chung chủ tại kho làm thủ tục hải quan CFS của VINALINK. Ngoài ra, trên thị trường giao nhận, Vinalink còn được biết đến là nhà giao nhận chuyên nghiệp trong lĩnh vực làm hàng triển lãm, hàng công trình, di dời nhà cửa, nhà xưởng, văn phòng.

Doanh thu của dịch vụ này của VINALINK trong năm 2008 là 71 tỷ đồng, tương đương khoảng 30,2% của tổng doanh thu của toàn Công ty và đang có xu hướng tăng mạnh trong những năm gần đây. Công ty đã chủ trương đầu tư cho đội xe đầu kéo, xe tải nhẹ 2 tấn, xe nâng cũng như xây dựng thêm kho bãi tại các địa điểm quan trọng từ Bắc chí Nam để khuyến khích trương mǎng Logistics này.



Kinh doanh cho thuê văn phòng, kho bãi, và bảo quản hàng hóa

Với lợi thế sở hữu một tòa nhà và hệ thống kho được trang bị các phương tiện chiếu sáng, thông gió, phòng cháy chữa cháy hiện đại tọa lạc trên một vị trí thuận lợi rất gần trung tâm thành phố có diện tích 16.000 m² tại 145 – 147 Nguyễn Tất Thành, quận 4, Vinalink đang sử dụng để kinh doanh cho thuê văn phòng và cho thuê kho bãi, bảo quản hàng hóa, kho Ngoại quan,....

Doanh thu của dịch vụ này của VINALINK trong năm 2008 là 7 tỷ đồng, tương đương khoảng 3,2% của tổng doanh thu của toàn Công ty. Do nhu cầu về dịch vụ kho Ngoại quan ngày càng cao, nên VINALINK đang mở rộng dần diện tích kho bãi để kinh doanh mǎng dịch vụ này.



Đại lý tàu biển và môi giới hàng hải:

VINALINK cung cấp dịch vụ đại lý tàu biển và môi giới hàng hải cho các loại tàu ra vào cảng bao

4. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT



gồm thủ tục xuất nhập cảnh cho tàu và thuyền viên, xếp dỡ hàng hoá, kiểm đếm hàng hoá, thủ tục chuyển cảng, giải quyết khiếu kiện, cung ứng thuyền viên, nhiên liệu và thực phẩm,... Bên cạnh đó VINALINK cũng thực hiện dịch vụ tư vấn tàu vận tải cho chủ hàng. Trong năm 2008, doanh thu về dịch vụ này của VINALINK đạt 3,5 tỷ đồng, chiếm khoảng 1,5% của tổng doanh thu của Công ty.

Thêm vào đó, Công ty cũng thực hiện chức năng đại lý thủ tục cho các tàu feeder của Hãng HL.

Các dịch vụ đại lý tàu biển và môi giới hàng hải của VINALINK được cung cấp ở thành phố Hồ Chí Minh, chi nhánh Hải Phòng, Đà Nẵng, Quy Nhơn, và Vũng Tàu.

Dịch vụ Chuyển phát nhanh nội địa – Vinalink Express

**EXPRESS
MAIL**

Đây là mảng dịch vụ tương đối mới mà Vinalink đang phát triển, tuy doanh thu năm 2008 chỉ đạt khoảng 1,1 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng rất nhỏ (0,5%) trong cơ cấu doanh thu của Công ty nhưng với nhu cầu của các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân,... về việc chuyển giao nhanh, an toàn và chính xác giao chứng từ, hàng hóa, vật phẩm,... Mặt khác Vinalink sẽ có thêm chi nhánh, văn phòng đại diện ở khắp các tỉnh thành, đây chính là điều kiện thuận lợi để Vinalink có thể khẳng định thương hiệu Vinalink Express trong thời gian tới.

4. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

Doanh thu các loại hình dịch vụ chính của VINALINK được thể hiện dưới các bảng và biểu đồ sau đây:

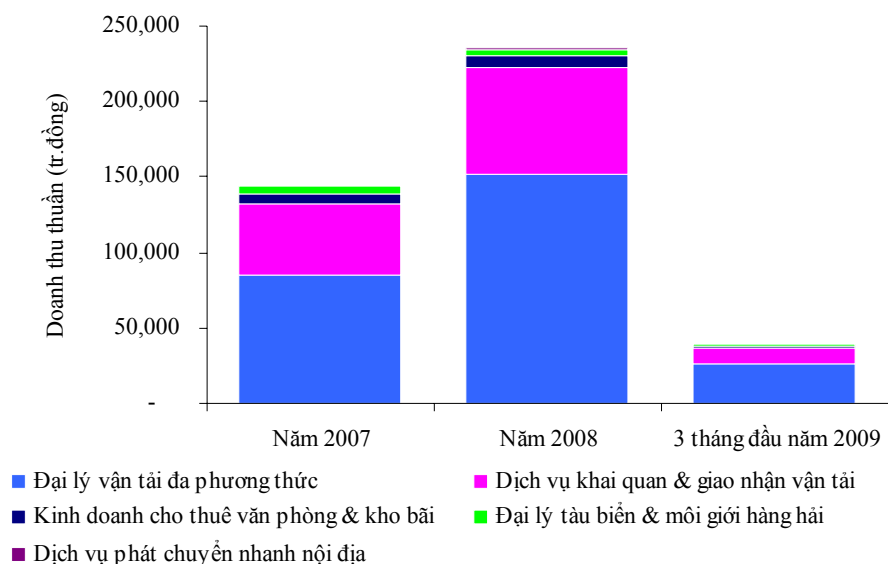
Bảng 1: Doanh thu thuần của từng loại hình dịch vụ

Đơn vị tính: triệu đồng

Doanh thu thuần	Năm 2007	Tỷ lệ %	Năm 2008	Tỷ lệ %	3 tháng đầu năm 2009	Tỷ lệ %
Đại lý vận tải đa phương thức	84.430	58,60	152.038	64,60	25.655	66,00
Dịch vụ khai quan & giao nhận vận tải	47.830	33,20	71.047	30,20	11.006	28,30
Kinh doanh cho thuê văn phòng & kho bãi	7.000	4,90	7.450	3,20	1.851	4,80
Đại lý tàu biển & môi giới hàng hải	4.702	3,30	3.598	1,50	162	0,40
Dịch vụ phát chuyển nhanh nội địa	14	0,00	1.102	0,50	224	0,60
Tổng cộng	143.976	100,00	235.235	100,00	38.898	100,00

(Nguồn: Vinalink)

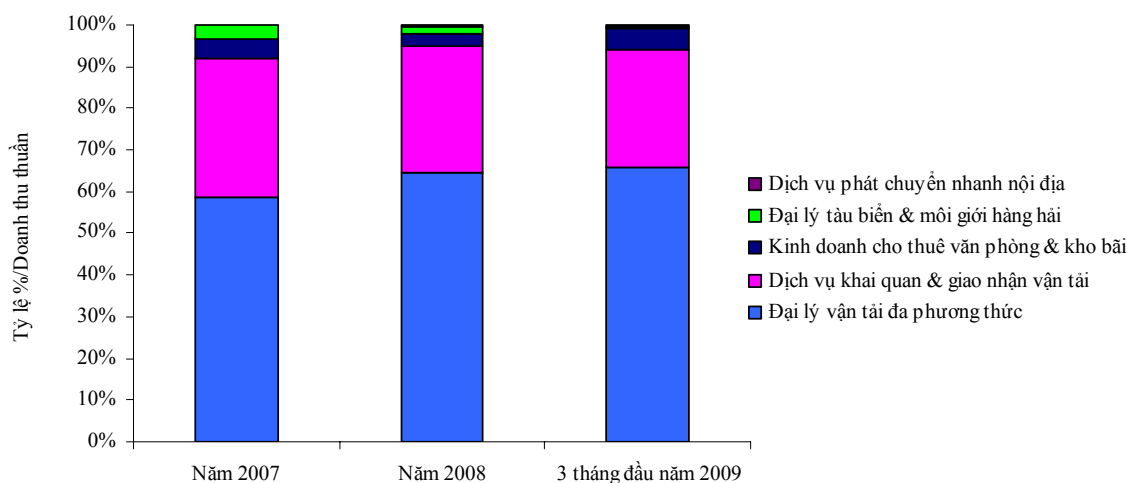
Biểu đồ 1: Tăng trưởng doanh thu qua các năm



(Nguồn : Vinalink)

4. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

Biểu đồ 2: Kết cấu doanh thu qua các năm



(Nguồn : Vinalink)

Bảng 2: Lợi nhuận gộp & mức độ đóng góp vào lợi nhuận gộp chung toàn công ty của từng loại hình dịch vụ

Đơn vị tính: triệu đồng

Các loại hình dịch vụ chính	Năm 2007		Năm 2008		3 tháng đầu năm 2009	
	Lợi nhuận gộp	Tỷ lệ %	Lợi nhuận gộp	Tỷ lệ %	Lợi nhuận gộp	Tỷ lệ %
Đại lý vận tải đa phương thức	9.068	50,80	9.892	49,88	2.569	55,50
Dịch vụ khai quan & giao nhận vận tải	1.593	8,92	2.662	13,42	790	17,07
Kinh doanh cho thuê văn phòng & kho bãi	3.872	21,69	3.579	18,05	976	21,08
Đại lý tàu biển & môi giới hàng hải	3.200	17,93	2.987	15,06	100	2,16
Dịch vụ phát chuyển nhanh nội địa	117	0,66	712	3,59	194	4,19
Tổng cộng	17.850	100,00	19.832	100,00	4.629	100,00

(Nguồn: Vinalink)

Mặc dù năm 2008 là một năm Công ty gặp rất nhiều khó khăn do những yếu tố tiêu cực của nền kinh tế vĩ mô như sự gia tăng đột biến của lạm phát, tuy nhiên với những nỗ lực của Công ty, doanh thu gia tăng rất mạnh (tăng hơn 63% so với năm 2007). Doanh thu toàn Công ty trong 3 tháng đầu năm 2009 đã đạt 15% kế hoạch năm 2009. Đại lý vận tải đa phương thức đóng góp vào phần lớn vào doanh thu và tỷ lệ lợi nhuận gộp chung toàn công ty chiếm hơn 50% doanh thu và tỷ lệ lợi nhuận gộp chung. Đứng ở vị trí thứ hai về doanh thu là dịch vụ khai quan và giao nhận vận tải chiếm hơn 30% tuy nhiên dịch vụ này chỉ đứng thứ 4 về mức độ đóng góp tỷ lệ lợi nhuận gộp từ 9% đến 17%. Tuy nhiên trong 3 tháng đầu năm 2009, dịch

4. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

vụ đại lý tàu biển suy giảm mạnh về doanh thu cũng như mức độ đóng góp vào tỷ lệ lợi nhuận gộp. Kết cấu doanh thu qua các năm thay đổi không đáng kể, doanh thu từ dịch vụ vận tải đa phương thức giảm nhẹ, trong khi đó doanh thu từ dịch vụ khai quan & giao nhận và kinh doanh cho thuê văn phòng & kho bãi có sự gia tăng không nhiều. Hoạt động đại lý tàu biển & môi giới chiếm tỷ trọng doanh thu rất nhỏ và đang có xu hướng co dần mức độ hoạt động do hoạt động này từ năm 2007 đã chuyển từ hình thức làm đại lý sang hình thức công ty liên doanh mà Vinalink là một bên liên doanh. Do đó doanh thu từ hoạt động này chuyển sang doanh thu từ hoạt động tài chính. Năm 2008, doanh thu từ hoạt động tài chính là 21,6 tỷ đồng tăng 76% so với năm 2007.

b. Chi phí sản xuất

Do đặc điểm hoạt động chính của VINALINK là cung cấp dịch vụ nên Công ty sử dụng rất ít nguyên vật liệu. Các yếu tố đầu vào chủ yếu của Công ty là con người và trang thiết bị phục vụ công việc vì thế chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí nhân công chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng chi phí của Công ty. Chi phí khấu hao và chi phí nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng không đáng kể.

Các khoản mục chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố được thể hiện ở các bảng sau đây:

Bảng 1: Phân tích yếu tố chi phí theo bản chất (đối với giá vốn hàng bán & chi phí quản lý doanh nghiệp)

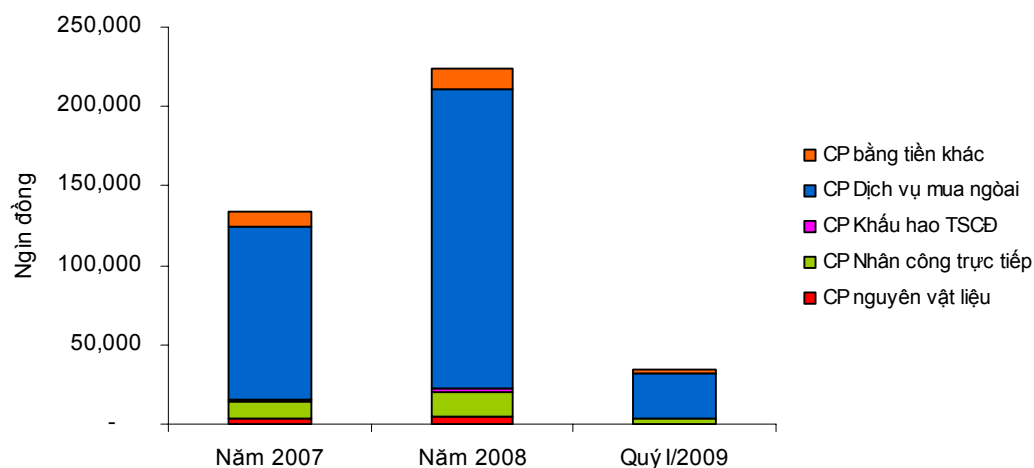
Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Yếu tố chi phí theo bản chất	Năm 2007		Năm 2008		3 tháng đầu năm 2009	
		Giá trị	Tỷ lệ %	Giá trị	Tỷ lệ %	Giá trị	Tỷ lệ %
1	Chi phí NVL trực tiếp	3.075	2,30	4.207	1,88	526	1,53
2	Chi phí NC trực tiếp	11.159	8,36	16.152	7,22	2.960	8,64
3	Chi phí KH TSCĐ	1.132	0,85	1.928	0,86	429	1,25
4	Chi phí DV mua ngoài	109.042	81,70	188.720	84,37	28.514	83,21
5	Chi phí bằng tiền khác	9.053	6,78	12.683	5,67	1.840	5,37
	Tổng cộng	133.461	100,00	223.690	100,00	34.269	100,00

(Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2007, 2008 và báo cáo tài chính 3 tháng đầu năm 2009 của Vinalink)

4. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

Biểu đồ 1: Phân tích yếu tố chi phí theo bản chất (đối với giá vốn hàng bán & chi phí quản lý doanh nghiệp)



(Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2007, 2008 và báo cáo tài chính 3 tháng đầu năm 2009 của Vinalink)

Bảng 2: Phân tích chi phí theo chức năng

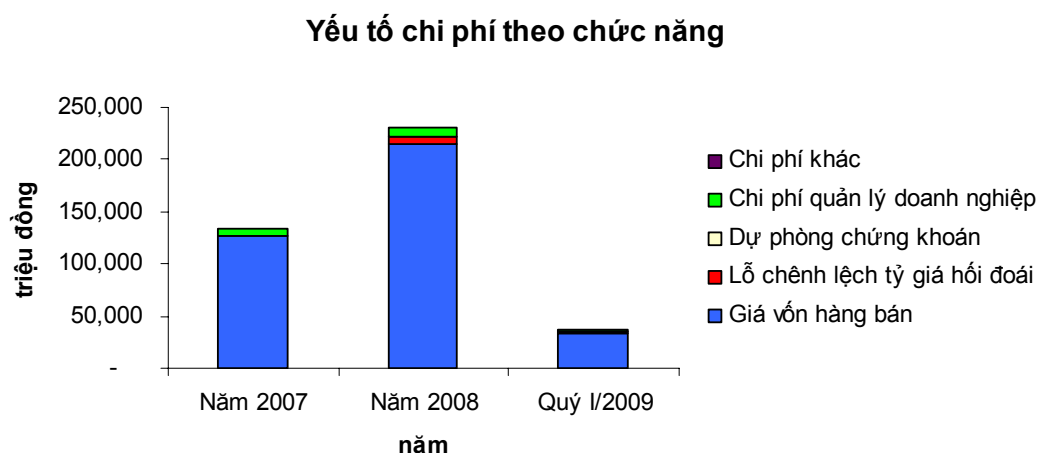
Đơn vị tính: triệu đồng

Yếu tố chi phí theo chức năng	Năm 2007	Năm 2008	Quý I/2009
Giá vốn hàng bán	126.126	215.403	34.268
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái	906	6.949	830
Dự phòng chứng khoán	-	225	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	7.336	8.287	1.899
Chi phí khác	24	-	-
Tổng cộng	134.392	230.864	36.997

(Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2007, 2008 và báo cáo tài chính 3 tháng đầu năm 2009 của Vinalink)

4. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

Biểu đồ 2: Phân tích chi phí theo chức năng



(Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2007, 2008 và báo cáo tài chính 3 tháng đầu năm 2009 của Vinalink)

Trước tình hình cạnh tranh ngày càng khốc liệt trên thị trường vận tải và giao nhận, Ban lãnh đạo cũng như toàn thể các nhân viên của VINALINK đang thực hiện chính sách tiết kiệm chi phí đến mức tối thiểu có thể để nhằm cải thiện hơn nữa khả năng cạnh tranh với các doanh nghiệp khác trong ngành. Tuy nhiên, việc kiểm soát chi phí này chủ yếu dựa trên cơ sở tránh lãng phí trong quá trình triển khai công việc hơn là cắt giảm những chi phí đang vận hành hoạt động kinh doanh của Công ty. Việc thực hiện tránh lãng phí này được thực hiện bằng cách bố trí hợp lý hơn trong việc điều động nhân sự, xử lý các thủ tục ở kho bãi, các tuyến đường vận chuyển hàng hóa, khai thác hợp lý hơn những tài sản cố định của Công ty, qua đó nâng cao hiệu quả của dịch vụ. Mặc dù vậy do tính chất của một doanh nghiệp dịch vụ, yếu tố chi phí chủ yếu là chi phí về dịch vụ mua ngoài và chi phí nhân công và với tình hình lạm phát cao như giai đoạn hiện nay, Công ty cũng phải điều chỉnh các chi phí này sao cho vừa tiết kiệm đến khả năng có thể và vừa phải đảm bảo được cuộc sống cho người lao động cũng như duy trì tốt hoạt động kinh doanh của Công ty. Chi phí lỗ chênh lệch tỷ giá và dự phòng lỗ chứng khoán năm 2008 tăng so với năm 2007 là do năm 2008 đồng Việt Nam bị mất giá nghiêm trọng so với đồng đô la Mỹ trong khi đó phí cước tàu và cước hàng không được niêm yết giá bằng đô la Mỹ, và do sự suy giảm mạnh của thị trường chứng khoán trong năm này. Mặc dù chi phí năm 2008 tăng và làm giảm lợi nhuận của Công ty (tỷ lệ lợi nhuận gộp và tỷ lệ lợi nhuận ròng năm 2008 lần lượt giảm 32% và 28,8% so với năm 2007) nhưng không giảm khả năng cạnh tranh của Công ty vì Vinalink vẫn có các lợi thế cạnh tranh so với các đối thủ khác như con người, cơ sở vật chất. Nhìn chung mức độ tăng trưởng của chi phí được duy trì ở tỷ lệ nhất định đối với tăng trưởng về doanh thu qua các năm (so với năm 2007, doanh thu tăng 63%, chi phí tăng 72%). Kết cấu chi phí theo bản chất được giữ tương đối ổn định qua các năm thể hiện khả năng kiểm soát chi phí khá tốt của Công ty.

4. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

c. Trình độ công nghệ

Là một doanh nghiệp có quá trình hình thành và phát triển gần 10 năm trong ngành dịch vụ đại lý vận tải, VINALINK có khả năng cung cấp dịch vụ vận tải nội địa và quốc tế và đa phương thức, bao gồm đường biển, đường hàng không, đường thủy và đường bộ. Dịch vụ giao nhận hàng hoá tận nơi (giao nhận “door to door”) của VINALINK được thực hiện qua hệ thống các đại lý của Công ty ở khắp các châu lục. Mạng lưới dịch vụ giao nhận đa phương thức của VINALINK được rải khắp các khu vực ở trong nước và các chi nhánh được bố trí ở các thành phố lớn và cửa khẩu quan trọng như Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng, Quy Nhơn, thành phố Hồ Chí Minh và Vũng Tàu.

Để đáp ứng cho yêu cầu nghiệp vụ của một đơn vị dịch vụ quốc tế và nội địa rộng khắp Công ty đã chú trọng tập trung đầu tư xây dựng hệ thống mạng vi tính quốc tế, đưa hệ thống mạng vi tính, mạng mail online và kết nối dữ liệu trực tuyến Internet vào hoạt động kinh doanh có hiệu quả đáp ứng tốt cho yêu cầu hội nhập kinh tế thế giới. Ngoài ra, VINALINK cũng đang sở hữu các chương trình phần mềm tương đối hoàn hảo đã giúp các khâu nghiệp vụ phối hợp công việc một cách khoa học nhất, tiết kiệm thời gian trong khâu xử lý số liệu, thông tin nhanh, chuẩn xác,...

Hệ thống phương tiện và trang thiết bị của VINALINK hiện tại bao gồm: 14 đầu kéo container và 18 rơ móc, 7 xe tải có trọng tải 2 tấn, kho hàng tiêu chuẩn 16.000 m² ở 145-147 Nguyễn Tất Thành, Quận 4, thành phố Hồ Chí Minh. Bên cạnh đó, VINALINK còn có đầy đủ các trang thiết bị phục vụ cho việc bốc dỡ hàng tại kho như xe cầu, xe nâng, palet (miếng gỗ chống ẩm ướt trong kho), vi tính, các phần mềm (như phần mềm kế toán tổng hợp FOX25A, phần mềm nghiệp vụ “Hệ thống quản lý chuyển hàng”) phục vụ việc quản lý hàng hóa trong kho,... và đội ngũ công nhân bốc dỡ lành nghề.

d. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Một số nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới của VINALINK đang được tổ chức và triển khai bao gồm:

- *Nghiên cứu phát triển, mở rộng hoạt động kho bãi* bao gồm các dự án: xây dựng hệ thống kho bãi ở Đồng Nai, Nhơn Trạch, Hưng Yên, Hà Nội, Bắc Ninh, Hải Phòng vào cuối năm 2008, dự kiến xây dựng hệ thống kho mới tại Đồng Nai và Hà Nội vào cuối năm 2009, giao nhận phân phối, đại lý hàng bằng đường sắt đi Kazakhstan, Uzbekistan, Mông Cổ, Rusia,... mở dịch vụ mậu biên qua biên giới Trung Quốc, đẩy mạnh dịch vụ hàng công trình, triển lãm,...
- *Tìm hiểu và nghiên cứu về việc đầu tư và phát triển hệ thống kho bãi, cầu cảng* tại khu vực Cảng nước sâu Bà Rịa-Vũng Tàu.

4. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

- *Nỗ lực duy trì và phát triển hơn nữa ứng dụng công nghệ thông tin* vào tất cả các bộ phận phòng ban của Công ty để tăng cường hiệu quả quản lý, liên tục đầu tư nâng cấp phần mềm quản lý nhằm tối đa hoá hiệu quả hoạt động kinh doanh và quản lý sâu sát hơn những hoạt động hàng ngày về nghiệp vụ và tài chính kế toán.
- *Tăng cường công tác đào tạo để phát triển nguồn nhân lực* bằng cách cử các nhân viên nghiệp vụ tham dự các khóa huấn luyện ngắn hạn về đại lý giao nhận do VIFFAS, IATA, FIATA, VCCI, ... tổ chức. Đồng thời chú trọng công tác đào tạo tại chỗ, đảm bảo công tác đào tạo được thực hiện một cách thường xuyên và sâu sát đến nhu cầu của công việc hàng ngày.
- *Tiếp tục rà soát, bổ sung và hoàn thiện các văn bản pháp quy nội bộ*, trong đó có quy chế trả lương mới sao cho tương xứng với những đóng góp của người lao động, nhằm khuyến khích hơn nữa sự gắn bó hợp lý giữa quyền lợi của người lao động với việc tăng doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

e. Tình hình kiểm tra chất lượng dịch vụ

Hiện tại mọi hoạt động cung cấp các dịch vụ của VINALINK được tổ chức thực hiện theo các quy trình của hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000, trong đó mô tả rõ ràng về chức năng và nhiệm vụ của từng cá nhân đính kèm với quy trình hướng dẫn thực hiện. Do vậy, Công ty đảm bảo được tính ổn định về chất lượng dịch vụ khá cao. Bên cạnh đó, cơ chế quản lý phân quyền ở từng bộ phận trong Công ty được tổ chức một cách rạch ròi nên tăng cường khả năng quản lý về trách nhiệm công việc đối với từng cá nhân một cách chặt chẽ.

Ngoài ra, một số bộ phận chính như đại lý vận tải đường biển và đại lý hàng không đều được áp dụng phần mềm tin học ứng dụng nội bộ, tạo điều kiện thuận lợi cho nhân sự quản lý có thể kiểm tra, giám sát công việc mà một nhân viên nào đó đang triển khai thực hiện và do vậy giúp tăng cường việc kiểm soát và giảm thiểu được sai sót.

f. Hoạt động Marketing

Những hoạt động marketing chính của VINALINK hiện tại được thực hiện dưới nhiều hình thức khác nhau, bao gồm:

- *Thông qua phương tiện truyền thông* như các website của tổ chức vận tải trong nước, Ngoài nước và các tạp chí trong ngành, quảng bá văn phòng phẩm, tặng phẩm có logo của Công ty cho khách hàng. Công ty đã đầu tư thiết kế trang web được cập nhật thông tin thường xuyên nhằm giới thiệu dịch vụ của Công ty với khách hàng cũng như thông tin hoạt động của mình với cổ đông, nhà đầu tư,...

4. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

- *Tuyển dụng và đào tạo đội ngũ bán hàng, dịch vụ khách hàng có phong cách làm việc chuyên nghiệp hơn để nhận được niềm tin từ khách hàng hơn, tích cực chăm sóc tốt khách hàng cũ và tìm kiếm thêm khách hàng mới.*
- *Thực hiện chính sách tiếp thị thường xuyên và liên tục để duy trì và giữ vững các khách hàng truyền thống.*
- *Chủ động giao quyền cho các đơn vị thành viên để đề ra những chính sách giá cả hợp lý vào từng thời điểm khác nhau, áp dụng những cơ chế thưởng và hoa hồng thỏa đáng cho người giới thiệu.*
- *Tham gia các Hội nghị, hội thảo ngành nghề, triển lãm của quốc gia, khu vực và quốc tế để cập nhật kiến thức, thông tin về thị trường và mở rộng mạng lưới bán hàng, đối tác.*

g. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Hiện tại VINALINK đã đăng ký bản quyền logo của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa số 22415/QĐ-ĐK ngày 26/09/1996 được gia hạn theo Quyết định số A6179/QĐ-ĐK ngày 16/06/2005 (có hiệu lực đến ngày 16/12/2015).



Logo của Công ty có biểu tượng của chữ V nằm trên hình quả địa cầu. Chữ V là chữ đầu tiên trong chữ viết tắt tên Công ty “Vinalink” và cũng là hình ảnh cách điệu của cánh chim biểu tượng của hàng không, con tàu biểu tượng của hàng hải. Qua logo này, Công ty mong muốn thể hiện ý chí phát triển dịch vụ của mình trên toàn thế giới.

Sứ mệnh của Công ty: **“KẾT NỐI NHỮNG LỢI ÍCH”**

Phương châm hoạt động :

“CHUYÊN NGHIỆP - TẬN TÂM - TIN CẬY - HIỆU QUẢ”

4. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

h. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

Stt	Đối tác	Sản phẩm	Thời gian thực hiện	Trị giá
1	Công ty LD TNHH tiếp vận & vận tải Speedmark	Đặt chỗ vận chuyển bằng hàng không	Năm 2008 & các năm sau	Tối đa 30.000 USD/tháng
2	Công ty TNHH Thang máy & Thiết bị Thăng Long TLE	Dịch vụ quản lý và lưu kho hàng hóa	Năm 2008 & các năm sau theo nhu cầu của TLE	Xác định trên số container phát sinh thực tế và đơn giá
3	Sở giao dịch II Ngân hàng công thương Việt Nam	Dịch vụ logistics	Từ 7/2008 đến 7/2009	Xác định cụ thể trong từng giao dịch
4	Công ty CP Thiết bị công nghệ & Tự động hóa VN (Viet-Tech JSC)	Thuê kho ngoại quan & dịch vụ ủy thác	Từ 7/2008 đến 7/2009	Xác định dựa trên đơn giá, thời gian lưu kho và m ³ /tấn
5	Trung tâm viễn thông điện lực Việt Nam	Dịch vụ thông quan hàng hóa nhập khẩu	Từ 2/2008 đến 12/2009	Xác định dựa trên đơn giá và số lượng container, m ³ hoặc lô hàng
6	Tập đoàn Zhongxing Telecommunication (ZTE)	Dịch vụ vận chuyển	Từ 4/2008 đến khi tất cả thiết bị được di chuyển đến vị trí theo yêu cầu	Khoảng 18.800 USD
7	Công ty dầu thực vật Cái Lân	Dịch vụ làm thủ tục hải quan và vận chuyển hàng hóa	Từ 3/2008 đến 12/2010	Xác định dựa trên đơn giá và số lượng container, m ³ hoặc lô hàng
8	Cargolux Airlines International S.A	Dịch vụ đại lý	Từ 11/2007 đến các năm sau	Tỷ lệ hoa hồng xác định trên số lượng thực tế
9	Vietnam Airlines	Dịch vụ đại lý	Từ 4/2001 đến 3/2010	Tỷ lệ hoa hồng xác định trên số lượng thực tế

(Nguồn: Vinalink)

4.6 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 2 năm gần nhất

a. Bảng tóm tắt một số chỉ tiêu trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty Vinalink:

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Chỉ tiêu	Năm 2007	Năm 2008	% tăng/giảm so với năm 2007	3 tháng đầu năm 2009
Vốn điều lệ đăng ký	90.000.000	90.000.000	0,00	90.000.000
Vốn thực góp	81.900.000	81.900.000	0,00	81.900.000
Tổng Giá trị tài sản	117.790.793	123.846.658	5,14	122.004.784

4. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

Doanh thu thuần	143.976.041	235.235.553	63,38	38.898.026
Lợi nhuận từ HĐKD	21.907.649	26.044.150	18,88	3.059.036
Lợi nhuận khác	10.500	-	-	1.090.909
Lợi nhuận trước thuế	21.918.148	26.044.150	18,82	3.060.127
Lợi nhuận sau thuế	19.475.368	22.662.169	16,36	2.704.463
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	59%	51%	- 13,56	-
Tỷ lệ cổ tức/ mệnh giá	15%	18%	20,00	-

(Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2007, 2008 và báo cáo tài chính 3 tháng 2009 của VINALINK)

Nhìn chung, trong năm 2008 VINALINK đã đạt nhiều thành tựu nhất định so với tình hình phát triển hiện tại của ngành.

Dịch vụ vận tải hàng đường không và đường biển: Trong năm 2008, do tình hình cạnh tranh toàn cầu ngày càng trở nên gay gắt giữa các nhà sản xuất lớn thông qua việc cắt giảm giá thành sản phẩm trong đó bao gồm chi phí vận chuyển và giao nhận, do tác động tiêu cực của các yếu tố kinh tế vĩ mô đã làm ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu và lợi nhuận các dịch vụ của các công ty cung cấp dịch vụ giao nhận vận tải.

So với năm 2007, sản lượng và doanh thu dịch vụ đường biển năm 2008 giảm 8,4% và 17,7% do tình hình kinh tế cuối năm xấu nên việc xuất khẩu giảm từ đó kéo theo sản lượng vận tải biển đối với hàng xuất khẩu giảm. Tuy nhiên, doanh thu và sản lượng đường hàng không năm 2008 tăng 57% và 70,6% so với năm 2007 do Công ty trong năm 2008 đã phát triển nhiều khách hàng hơn và nguồn khách hàng này tương đối ổn định.

	Sản lượng			Doanh thu (tỷ đồng)		
	2006	2007	2008	2006	2007	2008
Xuất đường biển (m ³)	19,131	20,279	18,572	26.8	18.6	15.3
Xuất đường hàng không (Tấn)	817	1,021	1,605	42.4	34.7	59.2

(Nguồn: Vinalink)

Hiện tại, Vinalink đang thực hiện các tuyến vận tải trực tiếp hàng lẻ (LCL) xuất đường biển đi Châu Á (Trung Quốc, Singapore, Hong Kong, Nhật Bản, Malaysia...) và Châu Mỹ (Mỹ, Canada), châu Âu (Hamburg...). Bên cạnh đó, phát triển thêm các tuyến Châu Âu, Trung Đông; tuyến vận tải đa phương thức kết hợp đường biển-đường sắt liên vận đi Trung Á. Về dịch vụ vận tải đường không, hiện tại doanh thu mảng này của VINALINK đang phát triển rất tốt, Vinalink luôn là đại lý đứng đầu của các Hãng hàng không Vietnam Airlines, China Airlines, Asiana Airlines, Singapore Airlines, Thais Airways.

4. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

Dịch vụ khai quan giao nhận và khai thác kho bãi: dịch vụ này tăng mạnh trong năm 2008 (tăng 48,5% so với năm 2007), đây là điều tất yếu khi Kế hoạch năm 2008, HĐQT đã thông qua các dự án đầu tư cơ sở vật chất cho mảng Logistics này và những nỗ lực tìm kiếm khách hàng, phát triển thêm loại hình dịch vụ của tập thể CBCNV bộ phận Logistics.

Tình hình hoạt động kinh doanh của các Công ty liên doanh có vốn nước ngoài với Vinalink:

Công ty liên doanh	Tình hình kinh doanh
RCL	Năm 2007, lãi sau thuế đạt 7.341.168 nghìn đồng tăng 33% so với năm 2006. Năm 2008, lãi sau thuế đạt 8.334.194 nghìn đồng tăng 14% so với năm 2007. (Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2007 & 2008 của RCL)
HL	Năm 2007, lãi sau thuế đạt 5.772.733 nghìn đồng tăng 38% so với năm trước. Năm 2008, lãi sau thuế đạt 6.336.137 nghìn đồng tăng 10% so với năm 2007. (Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2007 & 2008 của HL)
Konoike	Doanh thu năm 2007 đạt 92.195.653 nghìn đồng tăng 38% so với năm 2006, nhưng lợi nhuận sau thuế chỉ đạt 3.102.438 nghìn đồng, tăng 3% so với năm 2006 do tình hình giá cả cạnh tranh chung và những phát sinh chi phí khác như sửa chữa văn phòng, kho lạnh...v.v.. Năm 2008, doanh thu đạt 136.012.043 tăng 48% so với năm 2007 và lợi nhuận sau thuế đạt 3.708.808 nghìn đồng tăng 20% so với năm 2008 (Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2007 & 2008 của Konoike)
FC	Năm 2007, lãi sau thuế đạt 1.311.910 nghìn đồng tăng 27% so với năm trước. Năm 2008 do FC đã ký thêm hợp đồng làm đại lý GSA với một hãng hàng không, do đó lợi nhuận năm 2008 đạt 4.170.726 nghìn đồng tăng 218% so với năm 2007. (Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2007 & 2008 của FC)
LCM	Lãi sau thuế cho giai đoạn hoạt động đầu tiên từ tháng 10/2007 đến 31/12/2008 đạt 417.207 nghìn đồng. (Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2008 của LCM)

b. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo:

Các nhân tố chính ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty trong những năm gần đây bao gồm:

Yếu tố vĩ mô:

Một số vấn đề kinh tế vĩ mô trong năm 2008 có tác động lớn đến hoạt động của Vinalink bao gồm:

4. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

Tình hình kinh tế Việt Nam năm 2008 diễn ra trong bối cảnh tình hình thế giới và trong nước có nhiều biến động phức tạp, khó lường. Giá dầu thô và giá nhiều loại nguyên liệu, hàng hoá khác trên thị trường thế giới tăng mạnh trong những tháng giữa năm kéo theo sự tăng giá ở mức cao của hầu hết các mặt hàng trong nước; lạm phát xảy ra tại nhiều nước trên thế giới; khủng hoảng tài chính toàn cầu dẫn đến một số nền kinh tế lớn suy thoái, kinh tế thế giới suy giảm; thiên tai, dịch bệnh đối với cây trồng vật nuôi xảy ra liên tiếp trên địa bàn cả nước gây ảnh hưởng lớn đến sản xuất và đời sống dân cư.

Năm 2008 là năm đánh dấu sự suy giảm GDP xuống mức thấp hơn năm 2003.

Bảng 1: Tăng trưởng GDP, 2003-08 (%)

	2003	2004	2005	2006	2007	2008
GDP	7,34	7,79	8,44	8,17	8,48	6,23
Nông-lâm-thủy sản	3,62	4,36	4,02	3,40	3,40	3,79
Công nghiệp-xây dựng	10,48	10,22	10,69	10,37	10,60	6,33
Dịch vụ	6,45	7,26	8,48	8,29	8,68	7,20

(Nguồn: Tổng cục Thống kê)

Mặc dù có những chuyển biến tích cực về thể chế, nhưng vẫn còn nhiều bất cập. Còn rất nhiều việc phải làm để tiếp tục hoàn thiện khung khổ pháp lý cho phù hợp với cam kết hội nhập và các chuẩn mực kinh tế thị trường.

Sự hụt hẫng về kỹ năng nguồn nhân lực cũng đang ngáng trở tăng trưởng có chất lượng và phát triển bền vững.

Kết cấu hạ tầng yếu kém đã và đang gây nhiều tổn phí cho các hoạt động sản xuất kinh doanh và đời sống xã hội. Chính những yếu kém về thể chế, kết cấu hạ tầng và nguồn nhân lực đã hạn chế việc thực hiện vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) ở mức độ đáng kể.

Lạm phát tính theo chỉ số giá tiêu dùng (CPI) năm 2008 lên tới 22,97% gấp gần hai lần so với năm 2007, và đây cũng là mức cao nhất kể từ năm 1997. (Nguồn: Tổng cục Thống kê)

Yếu tố về ngành

Theo Cục Hàng hải Việt Nam, năm 2008 mặc dù lượng hàng hóa vận chuyển bằng đường biển những tháng cuối năm có sự sụt giảm đáng kể nhưng tính cả năm, sản lượng vận tải của đội tàu biển Việt Nam vẫn tăng 13% so với năm 2007, đạt 69.285 triệu tấn. Trong đó, vận tải biển nước ngoài đạt 47.390 triệu tấn, tăng 0,7% so với năm 2007, vận tải hàng hóa trong nước đạt 21.997 triệu tấn, tăng gần 29%, vận tải container đạt 1.451 Teus, tăng 76,3%.

4. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

So với năm 2007, thị trường vận tải biển Việt Nam năm 2008 tăng cả số lượng lẫn giá vận chuyển, giá cước không tăng nhưng các hãng tàu đồng loạt tăng các phụ phí, do đó chi phí vận chuyển mà các nhà xuất nhập khẩu phải trả tăng. Diễn hình các hãng tàu bắt đầu thực hiện việc thu thêm phí làm giá vận tải biển tăng thêm.

Mặc dù sản lượng vận chuyển có sự gia tăng đáng kể, nhưng điểm yếu chung của ngành giao nhận hiện nay là: các doanh nghiệp Việt Nam hoạt động trong lĩnh vực logistic có thời gian hoạt động trung bình mới khoảng 5 năm, như vậy còn khá non trẻ trong ngành, quy mô không lớn; thiếu nguồn nhân lực, cơ sở vật chất kỹ thuật như kho tàng, phương tiện vận tải tiêu chuẩn thiếu, hầu hết các doanh nghiệp chưa có văn phòng đại diện tại nước ngoài trong xu thế toàn cầu hóa hiện nay; tính nghiệp đoàn của các doanh nghiệp còn rời rạc, thiếu hợp tác hỗ trợ lẫn nhau, cạnh tranh không lành mạnh.

Tình hình thị trường

Vấn đề cạnh tranh trong lĩnh vực dịch vụ vận tải, khai thác cảng biển và hàng không đang diễn ra ngày càng gay gắt, nhất là khi Việt Nam đang từng bước thực hiện các cam kết song phương và đa phương về mở cửa thị trường giao nhận kho vận đối với Liên minh châu Âu (EU) và cam kết dịch vụ gia nhập Tổ chức thương mại tế giới (WTO). Từ năm 2007 một số hãng tàu đã có được giấy phép hoạt động dưới hình thức 100% vốn nước ngoài đó là APL, Maersk và MOL. Để đón đầu sự tăng trưởng của ngành logistics một số công ty logistics toàn cầu đã nâng cao sự hiện diện ở Việt Nam bằng việc đầu tư 100% vốn nước ngoài như công ty APL-NOL Việt Nam, Maersk Việt Nam và Exel Việt Nam Ltd. hoặc thành lập các liên doanh với tỷ lệ sở hữu chi phối. Cùng với thành lập các liên doanh hoặc công ty 100% các hãng tàu và công ty logistics ngày càng mở rộng thị trường thông qua việc đa dạng hóa các sản phẩm dịch vụ. Sự sôi động của thị trường dịch vụ vận tải còn có sự góp mặt của ngày càng nhiều của các công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty tư nhân trong lĩnh vực giao nhận và đại lý hàng hải với những chính sách linh hoạt, sẵn sàng chấp nhận lợi nhuận thấp, chi hoa hồng cao để lôi kéo và giữ khách hàng.

Tất cả những yếu tố nêu trên đều có ảnh hưởng đáng kể đến tình hình doanh thu và lợi nhuận của Công ty trong năm 2008.

4.7 Vị thế và khả năng cạnh tranh của Công ty

a. Vị thế của VINALINK:

Hiện nay, có 373 doanh nghiệp đăng ký kinh doanh hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ hàng hải (*Nguồn: Công ty cổ phần chuyển giao công nghệ Trường Thịnh*) và khoảng 1000 doanh nghiệp cung cấp dịch vụ đại lý vận tải và giao nhận hàng hóa trong đó có khoảng 20 công ty liên doanh với nước ngoài (*Nguồn: Tạp chí Logistics số 14/2009*). Thị trường càng thể hiện

4. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

mức độ cạnh tranh ngày càng gay gắt khi các hãng tàu tính thêm các khoản phụ phí làm giá cước tăng, các công ty làm đại lý vận tải cạnh tranh giành khách hàng bằng cuộc chiến giảm phí dịch vụ một cách tối đa và trong nhiều trường hợp, chịu chấp nhận không có lãi nhằm lôi kéo khách hàng. Trước tình hình đó, Ban lãnh đạo của VINALINK chủ trương vẫn duy trì giữ nguyên mức phí của Công ty và đồng thời tăng cường tập trung nâng cao hơn nữa chất lượng của dịch vụ. Do vậy đến nay VINALINK vẫn duy trì được một vị thế nhất định trên thị trường dịch vụ đại lý vận tải và giao nhận hàng hoá. Theo đánh giá của dự án khảo sát thương hiệu nổi tiếng Việt Nam do VCCI và Công ty nghiên cứu thị trường Nielsen thực hiện năm 2008, Vinalink được xếp hạng thứ 44 trong ngành hàng dịch vụ giao thông vận tải.

Đối với dịch vụ vận tải hàng không: Dịch vụ vận tải đường hàng không trên toàn quốc trung bình đem lại khoảng 50% tổng doanh thu về nghiệp vụ của cả Công ty trong 5 năm qua cũng như hình ảnh và uy tín của Công ty trên thị trường vận tải Việt Nam.

Đối với dịch vụ vận tải đường biển: Đối với mảng này, VINALINK cạnh tranh trực tiếp với các công ty có tên tuổi như Transimex, Gemadept, Safi, Sotrans,... và trong nhiều năm liền, VINALINK được đánh giá là một trong các doanh nghiệp hàng đầu của ngành. Đặc biệt, trong những năm gần đây VINALINK đã tạo được thế đứng vững trong dịch vụ thu gom hàng lẻ đóng container chung chuyển đi các cảng trên thế giới.

Đối với dịch vụ đại lý tàu biển và môi giới hàng hải: Hiện tại, Công ty có lợi thế là làm đại lý cho hai hãng tàu lớn là hãng tàu RCL và HL nên cũng đã đảm bảo được tính ổn định về doanh thu trong mảng hoạt động này.

Đối với dịch vụ giao nhận vận tải và khai thác kho bãi: Đây là dịch vụ tiềm năng mà VINALINK đã định hướng khai thác và phát triển thành dịch vụ chính trong tương lai gần. Hiện nay mảng này đóng góp khoảng 33,1% trong năm 2007 và 30,2% trong năm 2008 trên tổng doanh thu toàn VINALINK. Ngoài việc phát triển đội ngũ khai quan giao nhận theo nhu cầu từng thời điểm, Công ty sẽ đầu tư thêm vào kho bãi, xe đầu kéo container, xe tải nhẹ, xe nâng,... để phục vụ cho việc mở rộng dịch vụ logistics vào những năm sắp tới.

b. Khả năng cạnh tranh:

Là một trong những công ty đại lý vận tải hàng đầu trong cả nước, VINALINK đã xây dựng được một vị thế và uy tín doanh nghiệp tương đối vững chắc ở trong ngành. Thế mạnh hiện tại của Công ty là mảng dịch vụ vận tải đường không và mảng giao nhận logistics. Doanh thu của hai mảng này trong những năm gần đây đạt được những bước tăng trưởng đáng kể là do chất lượng của các dịch vụ này của VINALINK luôn thể hiện tính chuyên nghiệp trong phong cách phục vụ, luôn đảm bảo tính chính xác về thời gian giao nhận hàng cho khách hàng và thêm vào đó là những tiện lợi về mặt vị thế kho bãi cũng như việc đầu tư các trang thiết bị, phương tiện vận tải của VINALINK. Một số ưu thế của Công ty trong khả năng cạnh

4. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

tranh đối với các doanh nghiệp khác trong ngành có thể kể đến là : Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc là các chuyên gia trong ngành trong lĩnh vực tàu biển, hàng không, giao nhận,..., có trình độ học vấn cao, với thâm niên công tác trên 15 năm. Ban lãnh đạo công ty là đội ngũ cán bộ trẻ nhưng đều có kinh nghiệm trong ngành từ 8 đến 10 năm, lại rất tâm huyết với Công ty, có nhiều cống hiến với công việc và cầu tiến, luôn nỗ lực để đưa Công ty ngày càng phát triển, và trên hết yếu tố năng động nhạy bén nắm bắt cơ hội là ưu điểm nổi bật của hàng ngũ lãnh đạo này.

Mặc dù giữa năm 2007 có sự biến động lớn về nhân sự, nhưng với nền tảng cơ sở rất căn bản, VINALINK đã mau chóng có những biện pháp tuyển dụng, đào tạo hợp lý, vì vậy đội ngũ nhân sự của Công ty đã được xây dựng lại nhanh chóng, không chỉ có thể ổn định lại tình hình nhân sự mà còn cải tạo lại được tác phong chuyên nghiệp hơn trong công việc, tạo ấn tượng tốt cho khách hàng do vậy đảm bảo được tính hoạt động ổn định và bền vững của Công ty.

Trang thiết bị văn phòng và hệ thống quản lý ứng dụng công nghệ tin học bao gồm máy tính, photocopy, máy in laser, điện thoại, máy fax, telex ...luôn đảm bảo được những tính năng tối thiểu của một văn phòng hiện đại, kết nối mạng Công ty và với các hãng tàu, đủ khả năng cung cấp dịch vụ với thời gian làm việc liên tục, thuận lợi và linh động.

Phương tiện vận chuyển của VINALINK hiện tại đã được trang bị bao gồm 14 đầu kéo container và 18 rơ móc, 7 xe tải có trọng tải 2 tấn. Một kho hàng tiêu chuẩn ở Quận 4, thành phố Hồ Chí Minh có diện tích khu vực 16.000m². Vị trí của trụ sở văn phòng, chi nhánh làm việc được xây dựng ở những địa bàn thuận tiện cho việc giao dịch, đóng hàng, rút hàng tại kho, cảng, sân bay,... không chỉ tiện lợi cho khách hàng mà cả nhân viên VINALINK trong việc làm thủ tục nhập hoặc xuất hàng.

c. Những thách thức đối với Công ty

Hiện nay, khó khăn lớn nhất đối với Công ty là quy mô hoạt động. Sau khi gia nhập Tổ chức thương mại thế giới (WTO), Việt Nam phải cam kết cạnh tranh tự do sau 5 năm tính từ thời điểm gia nhập Tổ chức thương mại thế giới (WTO). Điều đó đồng nghĩa với việc thị phần logistics cho các doanh nghiệp nội địa nói chung và Vinalink nói riêng bị thu hẹp đáng kể sau khi thời gian cam kết này chấm dứt.

4.8 Triển vọng phát triển của ngành

Tác động tiêu cực của sự khủng hoảng kinh tế thế giới đã tác động rõ nét đến kinh tế Việt Nam, năm 2009 so với năm 2008:

- Kim ngạch xuất khẩu giảm do nhu cầu giảm, giá giảm (ví dụ như dầu thô, gạo, cà phê, cao su);
- Đầu tư nước ngoài giảm;

4. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

- Nguồn thu ngoại tệ từ du lịch giảm;
- Kiều hối giảm;
- Gia tăng thâm hụt ngân sách do nguồn thu chặt hẹp, nhu cầu chi tăng mạnh.

Theo đánh giá của Economist Intelligence Unit, Việt Nam vẫn giữ được các ưu điểm so với các quốc gia khác là sự ổn định về chính trị và xã hội dưới sự lãnh đạo nhất quán của Đảng trong giai đoạn từ năm 2009 đến 2013. Tuy nhiên chính phủ Việt Nam sẽ phải đối mặt với một loạt các vấn đề xã hội phức tạp gây ra bởi cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu. Các vấn đề này sẽ là một thách thức không nhỏ đối với chính phủ như sự suy giảm đà tăng trưởng kinh tế, thất nghiệp có xu hướng tăng cao, an sinh xã hội giảm và vấn đề môi trường...

Cũng theo Economist Intelligence Unit, tăng trưởng GDP của Việt Nam được dự báo sẽ suy giảm đáng kể trong năm 2009 khi thương mại toàn cầu suy yếu ảnh hưởng nặng nề đến xuất khẩu của Việt Nam. Thêm vào đó đầu tư trực tiếp nước ngoài được dự báo là sẽ giảm đáng kể làm ảnh hưởng đến tăng trưởng GDP do đây là động lực chính cho tăng trưởng của Việt Nam trong những năm vừa qua. Mặc dù vậy triển vọng của nền kinh tế trong dài hạn vẫn là sáng sủa. Lạm phát của Việt Nam sẽ từng bước được kiểm chế và ổn định trở lại trong thời gian ngắn sắp tới. Áp lực lạm phát sẽ không còn là vấn đề của Việt Nam trong giai đoạn 2009-2013 tuy nhiên VND có khả năng bị mất giá do chính phủ khuyến khích xuất khẩu. Mặc dù vậy, áp lực mất giá của VND sẽ không quá mạnh bởi lẽ thâm hụt tài khoản vãng lai của Việt Nam trong những năm tiếp theo sẽ giảm rất nhanh do thâm hụt thương mại giảm khi nhu cầu nhập khẩu dành cho tiêu dùng và đầu tư giảm đáng kể.

Một số dự đoán về mức độ tăng của Việt Nam trong năm 2009 thông qua dự báo của Việt Nam và một số tổ chức quốc tế như sau:

	Năm 2008	Năm 2009
Chính phủ Việt Nam	6,70%	6,50%
Các tổ chức quốc tế		
- Ngân hàng thế giới	6,50%	6,50%
- Ngân hàng phát triển châu Á	6,30%	5,00%
- Quỹ tiền tệ quốc tế	6,25%	5,00%
- CLSA	5,60%	2,60%
- Ngân hàng Deutsche	6,10%	4,10%
- Economist Intelligence Unit	6,10%	4,30%

(Nguồn: Bài giảng của Vũ Thành Tự Anh, chương trình kinh tế Fulbright)

Từ các dự đoán nêu trên, rõ ràng năm 2009 là một năm đầy thách thức với Công ty do tốc độ tăng trưởng kinh tế biến động theo các chiều hướng bất lợi hơn so với năm 2008 và các năm trước. Tuy nhiên, Chính phủ Việt Nam đang rất cố gắng nhận thức hết thời cơ mới cho sự phát triển đất nước đồng thời với việc nhìn nhận, đánh giá đúng thực trạng gai góc hiện nay chính là nền tảng suy tính để vượt qua khó khăn trước mắt và đảm bảo tiềm năng phát triển đã và

4. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

đang khôi dậy được bền vững. Theo đó, Chính phủ cam kết tiếp tục đẩy mạnh các quan hệ hợp tác kinh tế về thương mại với các nước, việc triển khai các Hiệp định song phương và đa phương ngày càng được mở rộng và cải cách môi trường pháp lý cho hoạt động kinh doanh trong nước ngày càng được thông thoáng với một số đạo luật được thông qua như Luật doanh nghiệp, Luật đầu tư, Bộ luật Hàng hải, Luật đấu thầu, Luật chứng khoán,...bắt đầu có hiệu lực sẽ hứa hẹn nhiều bước đột phá về kinh doanh đầu tư và mở rộng hoạt động xuất khẩu của các doanh nghiệp trong thời gian tới.

Đối với lĩnh vực vận tải biển Việt Nam, hiện nay, ngành này là ngành chủ đạo, chiếm ưu thế tuyệt đối (80% khối lượng) trong việc trao đổi thương mại giữa các quốc gia và có mức tăng trưởng bình quân năm là 8-9%. Các cảng biển có khối lượng thông qua lớn nhất đều nằm trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương. (Nguồn: Bài viết của Ông Ngô Lực Tài - Phó Chủ tịch Hội KHKTT biển TP.HCM). Theo quy hoạch phát triển vận tải biển Việt Nam đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt thì dự kiến đến năm 2010 sẽ có khoảng 200 triệu tấn hàng hóa thông qua các cảng biển Việt Nam và nâng lên 340 triệu tấn trong 10 năm tiếp cùng với việc nâng cao thị phần vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu tương ứng là 25% năm 2010 và 35% trong năm 2020 và vận tải biển nội địa là 100%. Tuy nhiên theo đánh giá của Cục hàng hải Việt Nam nhu cầu vận chuyển bằng đường biển thời gian qua đã phát triển quá nhanh so với dự báo ví dụ như tổng khối lượng năm 2007 của tất cả các cảng Việt Nam đã là 181 triệu tấn và con số 200 triệu tấn có thể đạt ngay trong năm 2008. Vì thế Cục quản lý Hàng hải đã phối hợp với Công ty tư vấn Port Coasts thực hiện đề án nghiên cứu quy hoạch xây dựng hệ thống cảng biển Việt Nam. Theo đề án “Phát triển cảng biển Việt Nam”, khối lượng hàng hóa vận tải bằng đường biển qua các cảng của Việt Nam vào năm 2010 sẽ là 265 triệu tấn và 480 triệu tấn vào năm 2020. (Nguồn: Thông tin tại Hội thảo về “Phát triển cảng biển Việt Nam” do Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổ chức).

Bảng dự báo mức độ tăng trưởng của ngành vận tải biển

	DVT	2000	2005	2006	2007	2008	Tỷ lệ tăng trưởng hàng năm	Dự đoán 2009
Tốc độ tăng trưởng GDP		5,50%	8,40%	8,20%	8,60%	6,23%	6,59%	6,64%
Xuất khẩu	Tỷ USD	14,5	32,4	39,6	48,4	62,90	18,79%	74,7
Nhập khẩu	Tỷ USD	15,6	37,0	44,8	60,8	80,40	21,44%	97,6
Sản lượng vận tải biển	Tr. Tấn	18,7	42,6	49,5	59,4	69,20	17,95%	81,6

(Nguồn: Cục hàng hải Việt Nam, Tổng cục Thống kê, BVSC)

Đối với ngành hàng không, theo định hướng phát triển của ngành hàng không đến năm 2020 sẽ có mức tăng trưởng 11%-14%/năm, đạt 32,4 triệu khách và 0,8 triệu tấn hàng hóa, mạng đường bay được mở rộng với tần suất khai thác cao, dịch vụ trung chuyển tốt tại hai trung tâm Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh, phát triển đội tàu bay lên 140 - 150 chiếc (trong đó sở

4. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

hữu 70-80 chiếc). Đến năm 2020, sẽ mở rộng hoạt động kinh doanh vận tải hàng không, xoá độc quyền, bảo đảm cạnh tranh lành mạnh, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế, xã hội, phần đầu đứng trong vị trí thứ 3 của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) về vận tải hàng không, với tối đa 10 hãng hàng không. Đồng thời, nâng công suất, năng lực khai thác của toàn mạng cảng hàng không lên gấp 4 lần so với hiện nay vào thời điểm năm 2020. (Nguồn: Website Chính phủ)

Bên cạnh tiềm năng phát triển mạnh mẽ của vận tải biển, vận tải hàng không, ngành logistics có rất nhiều cơ hội để phát triển thông qua những thuận lợi có được sau khi gia nhập Tổ chức thương mại thế giới (WTO): đó là (1) việc trở thành thành viên chính thức của Tổ chức thương mại thế giới (WTO) sẽ đưa Việt Nam thành một quốc gia mở cửa về thương mại hàng hóa, dịch vụ và đầu tư; (2) lợi thế về khu vực, Việt Nam có vị trí địa lý rất thuận lợi cho vận tải quốc tế, nằm ở khu vực chiến lược trong vùng Đông Nam Á. Bờ biển trải dài trên 2.000 km, có nhiều cảng nước sâu, các sân bay quốc tế, hệ thống đường sắt xuyên quốc gia và mạng lưới giao thông là tiền đề khả quan để phát triển logistics; (3) vốn đầu tư nước ngoài, cụ thể là nguồn vốn viện trợ không hoàn lại (ODA) nhằm phát triển cơ sở hạ tầng và các nguồn vốn từ các tổ chức phi chính phủ hỗ trợ cho Việt Nam ngày càng tăng; (4) lĩnh vực dịch vụ đang được quan tâm phát triển, hoạt động logistics đã bắt đầu thu hút sự chú ý của các cấp quản lý Nhà nước cũng như của các doanh nghiệp trong và ngoài nước; (5) sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin, biểu hiện rõ nhất là từ tháng 7- 2005 Việt Nam đã bắt đầu thực hiện thông quan điện tử thí điểm ở một số địa phương, đến năm 2007 sẽ áp dụng trên toàn quốc. Đây chính là một trong những điều kiện tiên quyết để ngành công nghiệp logistics VN phát triển, đáp ứng nhu cầu hội nhập kinh tế quốc tế. Sự thuận lợi để phát triển ngành cộng với sự tăng trưởng sản lượng vận tải biển tạo ra nhiều cơ hội cho các doanh nghiệp logistics (Nghiên cứu của các nhà kinh tế học cho thấy, chi phí về logistics chiếm 10% giá trị buôn bán của hàng hóa lưu thông trong nước và chiếm 40% đối với hàng hóa mua bán trên thị trường quốc tế). Trong khi đó theo nghiên cứu của Viện Nomura (Nhật Bản), các doanh nghiệp logistics Việt Nam hiện nay mới chỉ đáp ứng được ¼ nhu cầu thị trường logistics.

Thông qua phân tích các yếu tố vĩ mô nêu trên, rõ ràng Vinalink đang có nhiều điều kiện thuận để mở rộng phạm vi hoạt động, tăng doanh thu và khách hàng thông qua việc tận dụng triệt để cơ sở vật chất hiện có (hệ thống kho bãi, phương tiện vận tải). Tuy nhiên, Vinalink cũng cần có nhiều giải pháp kinh doanh phù hợp để vượt qua các khó khăn như sự thiếu hụt nguồn nhân lực chất lượng cao, sự cạnh tranh ngày càng gay gắt giữa các doanh nghiệp trong nước và với các doanh nghiệp nước ngoài.

4. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

4.9 Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới.

Trước tình hình ngày càng cạnh tranh gay gắt trong cả ba mảng hoạt động chính của VINALINK (bao gồm dịch vụ vận tải đường không và đường biển, dịch vụ khai quan giao nhận và khai thác kho bãi, đại lý tàu và dịch vụ môi giới tàu và hàng) tập thể Ban lãnh đạo VINALINK đang định hướng sẽ phát triển và đưa Công ty lên một tầm cao mới, phấn đấu trở thành một trong những doanh nghiệp hàng đầu trong ngành và góp phần gia tăng thêm giá trị của các sản phẩm và dịch vụ của quốc gia. Để đạt được mục tiêu trên, VINALINK tập trung phát triển doanh nghiệp trong các mảng dịch vụ chính như sau:

- Đối với mảng dịch vụ vận tải đường không và đường biển: củng cố và duy trì khách hàng đã và đang sử dụng dịch vụ hiện nay của Công ty kết hợp với định hướng tập trung làm đối tác với các hãng vận tải hàng không cũng như đường thủy lớn trên thế giới;
- Đối với dịch vụ khai quan giao nhận và khai thác kho bãi: gia tăng chất lượng dịch vụ thông qua việc nâng cao nghiệp vụ chuyên môn và quản lý khoa học, tăng thêm nhân lực và trang thiết bị bao gồm tăng cường đội xe vận tải trên cả 2 khu vực Bắc, Nam, đầu tư và mở rộng thêm kho bãi.

Kế hoạch phát triển của Công ty nhằm mở rộng thêm quy mô hoạt động hiện tại của Công ty và đóng góp thêm vào giá trị sản phẩm quốc nội của quốc gia hoàn toàn phù hợp với mục tiêu phát triển và tăng trưởng đến năm 2010 của quốc gia. Mục tiêu của Vinalink là xây dựng Vinalink trở thành một Doanh nghiệp Logistics hàng đầu của Việt Nam.

4.10 Cơ cấu lao động và chính sách đối với người lao động tại Công ty:

a. Số lượng và cơ cấu lao động:

Tính đến thời điểm 31/03/2009, tổng số lao động của Công ty là 258 người. Cơ cấu lao động của Công ty phân theo từng chỉ tiêu được thể hiện trong bảng sau:

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2007	Năm 2008	3 tháng đầu năm 2009
1	Số lao động bình quân năm			
	Số lao động tại thời điểm 31/12	199	239	258
	Trong đó:			
	– Lao động nam	127	153	171
	– Lao động nữ	72	86	87
2	Trình độ người lao động			
	– Đại học và trên đại học	89	98	107
	– Cao đẳng và trung cấp	31	41	55

4. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

	– Khác (trình độ văn hóa cấp 2, 3)	79	100	96
3	Loại hợp đồng lao động			
	– HĐLĐ không xác định thời gian	91	149	149
	– HĐLĐ có thời hạn (1 – 2 năm)	79	82	102
	– HĐLĐ thời vụ	29	8	7

(Nguồn: VINALINK)

b. Chế độ làm việc

Công ty thực hiện chế độ 44 giờ/tuần, 8 giờ/ngày. Người lao động được nghỉ các ngày lễ theo quy định hiện hành. Ngoài thời gian trên, nếu có công việc phải thực hiện theo yêu cầu của người ủy thác dịch vụ, hay để phù hợp với lịch tàu, kế hoạch làm hàng... thì phụ trách các bộ phận phải bố trí sắp xếp những người có liên quan tiếp tục thực hiện công việc trong phạm vi cần thiết. Tiền công làm thêm giờ được tính cho người lao động từ 150% đến 200% của mức lương làm việc thông thường, tuy nhiên thời gian làm thêm giờ không được vượt mức quy định tại điều 69, Bộ Luật lao động.

Người lao động có 12 tháng làm việc trở lên tại Công ty được nghỉ hưởng nguyên lương 12 ngày làm việc /năm. Mỗi 5 năm làm việc, nhân viên sẽ được nghỉ thêm 1 ngày.

Công ty và người lao động có nghĩa vụ đóng BHXH, BHYT theo quy định hiện hành. Các chế độ thanh toán trợ cấp ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, thôi việc,... được thực hiện theo quy định hiện hành của nhà nước.

Lãnh đạo Công ty có trách nhiệm chỉ đạo xây dựng và tổ chức thực hiện nội quy an toàn vệ sinh lao động, đảm bảo các điều kiện lao động phù hợp với sức khỏe của người lao động.

c. Chính sách đào tạo:

Đối với nhân viên hiện tại: Với định hướng xây dựng một đội ngũ nhân viên vững mạnh có trình độ chuyên môn và nghiệp vụ cao, Công ty đã tăng cường bổ sung những buổi tập huấn nghiệp vụ ngắn ngày cho cán bộ công nhân viên thuộc bộ phận nghiệp vụ, tổ chức hội thảo trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm giữa các nhân viên theo từng nhóm công việc trách nhiệm như: bán hàng, dịch vụ khách hàng, chứng từ, kế toán, bộ phận khai quan,... Mặt khác, Công ty cũng thường xuyên đăng ký các lớp đào tạo nghiệp vụ chuyên môn cho nhân viên tham gia do Phòng thương mại và công nghiệp Việt Nam (VCCI), Liên đoàn các Hiệp hội giao nhận quốc tế (FIATA), Hiệp hội giao nhận kho vận Việt Nam (VIFFAS),... tổ chức, và đã được cấp chứng chỉ. Ngoài ra, Công ty còn thực hiện việc đào tạo về mặt chuyên môn cho CBCNV thông qua hình thức cung cấp những tài liệu, kiến thức chuyên môn như tham khảo những tài liệu chuyên môn nghiệp vụ về khiếu nại, bảo hiểm, kho bãi do Ban lãnh đạo soạn thảo và gửi cho các phòng ban phổ biến đến từng nhân viên có liên quan tham khảo.

4. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

Đối với nhân viên mới: Công ty cũng tiến hành xây dựng qui chế tuyển dụng nhân sự cho Công ty tùy theo yêu cầu, trách nhiệm của công việc cho phù hợp. Nhân viên mới sẽ được tham khảo các tài liệu Hướng dẫn công việc chuyên môn chung của Công ty và được cụ thể hóa chi tiết bởi một hoặc một nhóm nhân viên có kinh nghiệm hiện tại.

Đối với cấp lãnh đạo: Với chủ trương luôn cố gắng xây dựng một đội ngũ cán bộ lãnh đạo kinh nghiệm về chuyên môn, chủ động về kinh doanh, tháo vát linh hoạt về chính sách nhân sự, đoàn kết về quan hệ nội bộ vì vậy Công ty tạo điều kiện cho cấp lãnh đạo thường xuyên tiếp xúc với các Hội thảo về trao đổi kinh nghiệm quản lý của các Doanh nghiệp trẻ, kinh nghiệm chuyên môn giữa các công ty cùng ngành nghề, tham gia những khóa học ngắn hạn ở nước ngoài,...

d. Chính sách lương thưởng:

Để đảm bảo thu nhập cho cán bộ công nhân viên của VINALINK, Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty đã triển khai áp dụng khung lương mới, được xây dựng dựa trên sự tham khảo tương đương hệ thống thang bảng lương của doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp tư nhân cùng ngành nghề, có bổ sung những yếu tố khuyến khích đãi ngộ đối với đội ngũ cán bộ công nhân viên cốt cán, có năng lực và đã có những cống hiến đáng kể cho hoạt động kinh doanh của Công ty, trực tiếp tạo nên thu nhập cho Công ty, nâng cao chế độ trách nhiệm cụ thể của mọi chức danh công tác, nhất là đội ngũ cán bộ, chuyên viên nghiệp vụ. Trong nhiều năm vừa qua, VINALINK đã quan tâm thích đáng đến đời sống cán bộ công nhân viên trong Công ty bằng việc nâng cao mức thu nhập của họ từ chỗ mức lương bình quân là khoảng 2 triệu đồng/người/tháng đến nay đã đạt trung bình từ 5 triệu đến 7 triệu đồng/người/tháng.

Động lực thúc đẩy CBCNV thi đua tăng doanh số bán, nâng cao lợi nhuận qua từng năm chính là Chính sách thưởng theo % mức lợi nhuận vượt kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông đã giao trong năm. Nhờ chính sách này đã khuyến khích CBCNV từng phòng ban luôn chủ động tìm kiếm cơ hội kinh doanh mới, mở rộng dịch vụ để tăng Doanh thu, mặt khác tích cực giảm thiểu chi phí tối đa,... đây cũng là chính sách ưu việt mà công ty đã thực hiện được từ năm 2007.

Bên cạnh đó, Công ty cũng thực hiện Việc tự đánh giá cá nhân hàng năm cho cán bộ công nhân viên trong Công ty, một mặt để giúp CBCNV tự nhìn lại những gì đã và chưa đạt được trong năm qua, một mặt có cơ sở để thưởng những chuyển du lịch trong và ngoài nước cho các CBCNV có thành tích tốt trong Công ty.

4.11 Chính sách cổ tức

Căn cứ theo Điều lệ của Công ty, tỷ lệ cổ tức hàng năm do Hội đồng quản trị đề xuất và được Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên những cơ sở như sau :

4. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

- Công ty chỉ trả cổ tức khi kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật.
- Nếu Công ty có dự án sinh lời thì theo đề nghị của HĐQT và sự chấp thuận của ĐHĐCĐ thì toàn bộ hay một phần cổ tức dự định chia sẽ được giữ lại để tái đầu tư.
- Cổ đông được chia cổ tức theo tỷ lệ góp vốn.
- Tỷ lệ cổ tức sẽ được Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị.
- Tùy theo tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty, Hội đồng quản trị có thể tạm ứng cổ tức cho các cổ đông theo thời hạn 6 tháng hoặc cả năm.

Tình hình phân chia cổ tức qua các năm:

- Phân phối lợi nhuận năm 2006 : 25.000 đ/CP tương đương tỷ lệ cổ tức là 25%
- Phân phối lợi nhuận còn lại đến 2006:
40.000 đ/CP tương đương tỷ lệ cổ tức là 40%
- Phân phối lợi nhuận năm 2007 : 15.000 đ/CP tương đương tỷ lệ cổ tức là 15%
- Phân phối lợi nhuận năm 2008: 1.800 đ/CP tương đương tỷ lệ cổ tức là 18%

(Nguồn: Nghị quyết đại hội cổ đông thường niên năm 2007, Nghị quyết đại hội cổ đông thường niên năm 2008, Nghị quyết đại hội cổ đông năm 2009)

4.12 Tình hình tài chính

a. Các chỉ tiêu cơ bản

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam và Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam để lập các báo cáo tài chính. Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Tài sản cố định

Trích khấu hao TSCĐ: Chi phí khấu hao tài sản cố định của Công ty được trích phù hợp với quy định của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính. Năm 2003, thời gian hữu dụng ước tính theo Quyết định số 166/1999/QĐ/BTC ngày 30 tháng 12 năm 1999 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Từ năm 2004, thời gian hữu dụng ước tính theo Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

4. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

Thời gian khấu hao của các nhóm TSCĐ như sau:

Nhóm TSCĐ	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 – 25
Máy móc thiết bị	4 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 8
TSCĐ khác	3

(Nguồn: Vinalink)

Mức lương bình quân của nhân viên VINALINK:

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Chỉ tiêu	Năm 2007	Năm 2008	3 tháng đầu năm 2009
Tổng tiền lương	11.361.842	15.210.200	3.144.256
Tiền thưởng	1.236.773	1.861.048	712.086
Tổng thu nhập	12.598.615	17.071.248	3.856.342
Lương bình quân người/tháng	5.275	5.952	4.982

(Nguồn: Vinalink)

Thanh toán các khoản nợ đến hạn:

Công ty luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản nợ của Công ty. Công ty không có các khoản vay ngắn hạn và dài hạn.

(Nguồn: Số liệu theo Báo cáo đã kiểm toán 2007, 2008 và Báo cáo tài chính 3 tháng đầu năm 2009 của VINALINK)

Các khoản phải nộp theo luật định:

Công ty thực hiện nghiêm túc nghĩa vụ nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp và các khoản phải nộp Nhà nước khác theo đúng quy định hiện hành. Số dư các khoản phải nộp ngân sách tại ngày 31/12/2007, 31/12/2009 và 31/03/2009 như sau:

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Chỉ tiêu	31/12/2007	31/12/2008	31/03/2009
Thuế GTGT	266.617	300.188	174.870
Thuế TNDN	690.601	1.286.865	355.663 (*)
Các loại thuế khác (thuế TNCN)	142.950	374.494	14.143 (*)
Tổng cộng	1.100.168	1.961.547	544.676

(Nguồn: Số liệu theo Báo cáo đã kiểm toán 2007, 2008 và Báo cáo tài chính 3 tháng đầu năm 2009 của VINALINK)

(*) Đây là số thuế thu nhập cá nhân của người lao động trong Công ty được giãn nộp từ ngày 01/01/2009 đến hết ngày 31/5/2009 (Theo Thông tư số 27/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 02 năm 2009 của Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện việc giãn thời hạn nộp thuế thu nhập cá nhân) và

4. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

số thuế thu nhập doanh nghiệp được giãn nộp phát sinh trong năm 2009 (Theo thông tư số 03/2009/TT-BTC ngày 13 tháng 1 năm 2009 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn thực hiện giảm, gia hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo Nghị quyết số 30/2008/NQ-CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ về những giải pháp cấp bách nhằm ngăn chặn suy giảm kinh tế, duy trì tăng trưởng kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội).

Trích lập các quỹ theo luật định

Công ty trích lập và sử dụng các quỹ theo quy định áp dụng cho các doanh nghiệp là công ty cổ phần và theo Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty. Hàng năm lợi nhuận của Công ty sau khi nộp thuế cho Nhà nước theo quy định sẽ được dùng để trích lập các quỹ với chi tiết cụ thể như sau:

- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được trích không vượt quá 5% lợi nhuận sau thuế của Công ty và được trích cho đến khi Quỹ dự trữ bằng 10% vốn điều lệ của Công ty.
- Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích lập theo quyết định của Nghị quyết đại hội cổ đông thường niên.

Theo Nghị quyết Đại hội đồng thường niên lần thứ 10 (năm 2009) tổ chức ngày 18 tháng 4 năm 2009, Đại hội thống nhất cơ chế khuyến khích người lao động làm việc có hiệu quả như sau:

- Hàng năm được trích lập 2 quỹ Phúc lợi và khen thưởng là 15% lợi nhuận sau thuế của phần lợi nhuận kinh doanh trực tiếp trong phạm vi số thực hiện của năm trước liền kề;
- Được trích 40% lợi nhuận sau thuế của phần lợi nhuận kinh doanh trực tiếp năm thực hiện cao hơn năm trước vào quỹ khen thưởng.

Số dư các quỹ tại ngày 31/12/2007, 31/12/2008 và 31/03/2009 như sau:

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Chỉ tiêu	31/12/2007	31/12/2008	31/03/2009
Quỹ dự phòng tài chính	-	-	-
Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.742.563	2.490.334	1.778.248
Lợi nhuận chưa phân phối	16.686.758	19.622.103	22.286.067
Thặng dư vốn cổ phần	4.950.000	4.950.000	4.950.000
TỔNG CỘNG	24.379.321	27.062.437	29.014.315

Tổng dư nợ vay: Công ty không sử dụng các khoản nợ vay ngắn hạn và dài hạn trong hoạt động sản xuất kinh doanh của mình.

(Nguồn: Số liệu theo Báo cáo đã kiểm toán 2007, 2008 và Báo cáo tài chính 3 tháng đầu năm 2009 của VINALINK)

4. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

Tình hình công nợ hiện nay:

Các khoản phải thu

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Chỉ tiêu	31/12/2007	31/12/2008	31/03/2009
Phải thu khách hàng	13.321.671	17.216.360	16.975.362
Trả trước người bán	12.720.653	7.066.494	7.899.301
Các khoản phải thu khác	-	7.822,456	7.519.355
TỔNG CỘNG	26.042.324	32.105.310	32.394.018

(Nguồn: Số liệu theo Báo cáo đã kiểm toán 2007, 2008 và Báo cáo tài chính 3 tháng đầu năm 2009 của VINALINK)

Các khoản phải trả

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Chỉ tiêu	31/12/2007	31/12/2008	31/03/2009
Phải trả người bán	4.368.540	6.310.279	5.487.404
Người mua trả tiền trước	4.258.539	5.744.015	4.851.041
Thuế và các khoản phải nộp NN	1.100.168	1.961.547	544.676
Phải trả người lao động	523.660	735.421	43.964
Các khoản phải trả khác	1.260.565	82.978	118.896
TỔNG CỘNG	11.511.472	14.834.240	11.045.981

(Nguồn: Số liệu theo Báo cáo đã kiểm toán 2007, 2008 và Báo cáo tài chính 3 tháng đầu năm 2009 của VINALINK)

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008	3 tháng đầu năm 2009
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán	Lần				
	Hệ số thanh toán ngắn hạn TSNH/ Nợ ngắn hạn		3,83	6,21	4,84	6,38
	Hệ số thanh toán nhanh TSNH - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn		3,83	6,21	4,84	6,38
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn	%				
	Hệ số Nợ/Tổng tài sản		16,76	9,77	12,02	9,05
	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu		11,57	11,12	13,66	9,96
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động	Lần				
	Vòng quay hàng tồn kho Giá vốn hàng bán Hàng tồn kho bình quân		-	-	-	-
	Doanh thu thuần/Tổng tài sản		1,83	1,22	1,90	0,32
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời	%				

4. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần		10,50	13,53	9,63	6,95
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu		24,10	18,81	21,28	2,44
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản		19,24	16,53	18,30	2,22
	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần		11,93	15,22	11,07	7,86

(Nguồn: Số liệu theo Báo cáo đã kiểm toán 2006, 2007, 2008 và Báo cáo tài chính 3 tháng đầu năm 2009 của VINALINK)

Nhận xét về tình hình tài chính của Công ty thông qua một số chỉ tiêu tài chính trình bày ở trên:

- *Khả năng thanh toán*: Nhìn chung khả năng thanh toán của Công ty được đánh giá là tốt, chỉ số khả năng thanh toán hiện hành của Công ty có xu hướng cải thiện tốt theo thời gian đặc biệt là năm 2007, và luôn duy trì tại hoặc trên mức cao (tài sản ngắn hạn lớn hơn gấp 3 lần nợ ngắn hạn). Năm 2007, chỉ số thanh toán nhanh tăng gần gấp đôi năm 2006 là do trong năm 2007, Công ty thực hiện phát hành cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên và cổ đông hiện hữu tăng vốn điều lệ từ 36 tỷ đồng lên 81,9 tỷ đồng. Tỷ số này giảm xuống 4,84 trong năm 2008 là do nợ ngắn hạn trong năm 2008 tăng gần 30% so với năm 2007.

Vì đặc thù hoạt động kinh doanh là một doanh nghiệp dịch vụ nên Công ty không có hàng tồn kho. Do đó, chỉ số thanh toán hiện hành và chỉ số thanh toán nhanh của Công ty bằng nhau.

- *Cơ cấu vốn*: Công ty có một cơ cấu vốn vững chắc do các hoạt động của Công ty được tài trợ chủ yếu từ nguồn vốn chủ sở hữu, tỷ lệ nợ trên tổng tài sản và tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu thấp duy trì ở mức dưới 20% cho giai đoạn năm 2006 – 2008.

- *Năng lực hoạt động*: Hệ số vòng quay tài sản ở mức tương đối thấp, đặc biệt là năm 2007 do trong năm này Công ty huy động một lượng vốn khá lớn vào thời điểm cuối năm.

- *Khả năng sinh lời*: Tỷ lệ lãi từ hoạt động kinh doanh và tỷ lệ lãi ròng tăng trưởng khá tốt trong năm 2007 nhưng năm 2008 lại giảm sút xuống thấp hơn mức đạt được trong năm 2006. Tuy nhiên tỷ lệ lãi ròng mà Công ty đạt được trong năm 2008 cũng tương đương với mức trung bình của ngành vận tải kho bãi (Nguồn: Website của stockbiz.vn). Mức độ giảm sút khả năng sinh lời của Công ty trong năm 2008 so với năm 2007 là do trong năm này mức độ tăng của chi phí lớn hơn so với tốc độ tăng của doanh thu cụ thể là giá vốn hàng bán, chi phí quản lý doanh nghiệp và lỗ do tỷ giá hối đoái vì sự tác động tiêu cực của mức lạm phát phi mã trong năm 2008.

4. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

4.13 Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc & Kế toán trưởng và Ban kiểm soát

Các thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2009 – 2014 gồm: 5 người

Stt	Họ tên	Chức danh
1	Nguyễn Nam Tiến	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc
2	Vũ Thế Đức	Phó Chủ tịch HĐQT
3	Bùi Ngọc Loan	Thành viên HĐQT
4	Trần Xuân Hồng	Thành viên HĐQT
5	Trương Minh Long	Thành viên HĐQT

Ông Nguyễn Nam Tiến – Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám Đốc Công ty Vinalink

Giới tính: Nam
Ngày tháng năm sinh: 06/02/1958
Nơi sinh: Nam Định
CMND: 023132098 cấp ngày 04/08/2005 tại Công an Tp. Hồ Chí Minh
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Quê quán: Nam Định
Địa chỉ thường trú: 111 Trần Minh Quyền, Q.10, TP. Hồ Chí Minh
Số ĐT liên lạc: 08-39401456
Trình độ văn hóa: 12/12
Trình độ chuyên môn: Đại học Tài chính – Kế toán ,

Quá trình công tác

- + 1980 -1982 là cán bộ giảng dạy tại Đại học Tài chính kế toán (Hà Nội)
- + 1982-1985 phục vụ trong Quân đội nhân dân Việt Nam.
- + 1985-1989 công tác tại Tổng Công ty Giao nhận Kho vận ngoại thương (Vietrans) với chức danh Phó phòng Kế toán.
- + 1989 -1999 công tác tại Công ty Giao nhận kho vận ngoại thương TP. Hồ Chí Minh (Vinatrans) với chức danh Phó phòng kế toán, Trưởng phòng Tổng hợp, Phó Giám đốc công ty.
- + 9/1999 đến nay là Ủy viên HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty Vinalink.

Các chức vụ công tác hiện nay tại + Chủ tịch hội đồng quản trị

4. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

tổ chức niêm yết:

+ Tổng giám đốc

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:

+ Phó chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty liên doanh dịch vụ đại lý vận chuyển (FC Việt Nam)

+ Phó chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH điều hành vận chuyển hàng hóa liên kết (LCM)

+ Ủy viên hội đồng quản trị Công ty cổ phần vận tải ngoại thương (Vinafreight)

+ Ủy viên hội đồng quản trị Công ty CP Giao nhận vận tải Miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng)

Số cổ phần nắm giữ tại 18/06/09:

81.500 cổ phần, chiếm 1,00 % vốn thực góp

+ Đại diện sở hữu :

Không

+ Cá nhân sở hữu :

81.500 cổ phần, chiếm 1,00 % vốn thực góp

Cam kết nắm giữ 100% số cổ phần đang nắm giữ trong vòng 06 tháng đầu tiên kể từ ngày niêm yết, 50% trong 06 tháng tiếp theo.

Hành vi vi phạm pháp luật:

Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:

Không

Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết:

Stt	Mối quan hệ	Họ và tên	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Chiếm % vốn thực góp
1.	Ủy viên hội đồng quản trị	Công ty cổ phần vận tải ngoại thương (VINAFREIGHT)	110.000	1,34
2.	Ủy viên hội đồng quản trị	Cty CP Giao nhận vận tải Miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng)	60.000	0,73
3.	Em	Nguyễn Thành Nam	7.000	0,09

Những khoản nợ đối với Công ty:

Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty:

Không

Ông Vũ Thế Đức – Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Vinalink

Giới tính:

Nam

Ngày tháng năm sinh:

09/03/1957

Nơi sinh:

Nam Định

4. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

CMND: 022079728 cấp ngày 11/07/2007 tại Công An thành phố Hồ Chí Minh

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Nam Định

Địa chỉ thường trú: 102C Nguyễn Văn Cừ, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, TP.HCM

Số ĐT liên lạc: 08-39414919

Trình độ văn hóa: 10/10

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, kỹ sư địa chất

Quá trình công tác

+ 1983 – 1987: là nhân viên công tác tại Viện Dầu khí Việt Nam tại Hà Nội

+ 1987 – nay: công tác tại Công ty Giao nhận Kho vận Ngoại thương thành phố Hồ Chí Minh (Vinatrans) với chức danh Giám đốc

Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Phó Chủ tịch hội đồng quản trị

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: + Giám đốc Công ty Giao nhận Kho vận Ngoại thương thành phố Hồ Chí Minh (Vinatrans)

+ Thành viên hội đồng quản trị Công ty cổ phần vận tải ngoại thương (VINA FREIGHT)

+ Chủ tịch hội đồng quản trị Công ty cổ phần Giao nhận vận tải Miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng)

+ Phó chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương (Vinatrans Hanoi)

+ Phó chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH RCL (Vietnam)

+ Phó chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Hapag Lloyd (Vietnam)

+ Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Konoike Vina

Số cổ phần nắm giữ tại 18/06/09 662.940 cổ phần, chiếm 8,09 % vốn thực góp

+ *Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước (Công ty Giao nhận kho vận ngoại thương thành phố Hồ Chí Minh - Vinatrans)* 450.000 cổ phần, chiếm 5,49 % vốn thực góp

+ *Cá nhân sở hữu :* 212.940 cổ phần, chiếm 2,60 % vốn thực góp

4. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

Cam kết nắm giữ 100% số cổ phần đang nắm giữ trong vòng 06 tháng đầu tiên kể từ ngày niêm yết, 50% trong 06 tháng tiếp theo.

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết:

Stt	Mối quan hệ	Họ và tên	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Chiếm % vốn thực góp
1.	Giám đốc	Công ty Giao nhận kho vận ngoại thương thành phố Hồ Chí Minh (Vinatrans)	900.000	10,99
2.	Thành viên hội đồng quản trị	Công ty cổ phần vận tải ngoại thương (Vinafreight)	110.000	1,34
3.	Chủ tịch hội đồng quản trị	Công ty CP giao nhận vận tải Miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng)	60.000	0,73
4.	Phó chủ tịch hội đồng quản trị	Công ty CP giao nhận vận tải ngoại thương (Vinatrans Hanoi)	460.000	5,62
5.	Chị	Vũ Thị Việt Hương	18.000	0,22

Những khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

Ông Bùi Ngọc Loan – Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Vinalink

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 20/01/1947

Nơi sinh: Thái Bình

CMND: 022104825 cấp ngày 01/11/1994 tại Công An Tp. Hồ Chí Minh

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Thái Bình

4. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

Địa chỉ thường trú: 117 Võ Thị Sáu, Q. 3, TPHCM

Số ĐT liên lạc: 08-37446199

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Đại học Ngoại thương, Cao cấp chính trị

Quá trình công tác

+ 1971 – 1975 công tác tại Cục Kho vận kiêm Tổng Công ty Giao nhận Ngoại thương đường biển Hải Phòng với chức danh Trưởng phòng Giao nhận đường biển, Bí thư chi bộ, Bí thư Đoàn Thanh niên Cục Kho vận Ngoại thương Hải Phòng.

+ 1975 – 1985 công tác tại Công ty Giao nhận kho vận ngoại thương thành phố Hồ Chí Minh (Vinatrans) với chức danh Phó Giám đốc Công ty, Bí thư Đảng ủy, Bí thư Đoàn Thanh niên ngành Ngoại thương.

+ 1985-1987 học tập tại trường Đảng cao cấp Nguyễn Ái Quốc.

+ 1987 – 2008 công tác tại Công ty Giao nhận kho vận ngoại thương thành phố Hồ Chí Minh (Vinatrans) với chức danh Giám đốc Công ty, Chủ tịch Hiệp hội Giao nhận kho vận Việt Nam (VIFFAS).

Các chức vụ công tác hiện nay tại Thành viên hội đồng quản trị
tổ chức niêm yết:

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Giao nhận Vận tải
tổ chức khác: Ngoại thương (Vinatrans Hanoi)

Số cổ phần nắm giữ tại 18/06/09 124.000 cổ phần, chiếm 1,51 % vốn thực góp

+ *Đại diện sở hữu phần vốn nhà* Không
nước

+ *Cá nhân sở hữu :* 124.000 cổ phần, chiếm 1,51 % vốn thực góp

Cam kết nắm giữ 100% số cổ phần đang nắm giữ trong vòng 06 tháng đầu tiên kể từ ngày niêm yết, 50% trong 06 tháng tiếp theo.

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết:

Stt	Mối quan hệ	Họ và tên	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Chiếm % vốn thực góp
1.	Ủy viên Hội đồng quản trị	Công ty cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương (Vinatrans Hanoi)	460.000	5,62

4. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

2.	Vợ	Nguyễn Thị Yên	78.300	0,96
----	----	----------------	--------	------

Những khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

Bà Trần Xuân Hồng – Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Vinalink

Giới tính: Nữ

Ngày tháng năm sinh: 07/07/1951

Nơi sinh: Quảng Nam

CMND: 023509245 cấp ngày 09/09/1997 tại Công an Tp. Hồ Chí Minh

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Điện Hồng, Điện Bàn, Quảng Nam

Địa chỉ thường trú: 20/6 Lê Duy Nhuận, P.12, Q. Tân Bình, TP.HCM

Số ĐT liên lạc: 08-38255387

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Đại học Kỹ Thuật, Trung cao Ngoại Thương

Quá trình công tác

+ 1976-1990 là nhân viên công tác tại Tổng công ty giao nhận kho vận ngoại thương tại Đà Nẵng (Vietrans Đà Nẵng)

+ 1991-1999 công tác tại Công ty giao nhận kho vận ngoại thương thành phố Hồ Chí Minh với chức danh Trưởng phòng Hapag Lloyd.

+ 1999-2005 công tác tại Công ty cổ phần giao nhận vận tải & thương mại (Vinalink) với chức danh Phó Giám đốc Công ty.

+ 2005 - đến nay công tác tại Công ty TNHH Hapag-Lloyd (Việt Nam) với chức danh Ủy viên Hội đồng thành viên kiêm Tổng Giám đốc.

Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Ủy viên hội đồng quản trị

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Ủy viên Hội đồng thành viên kiêm Tổng giám đốc Công ty TNHH Hapag-Lloyd (Việt Nam)

Số cổ phần nắm giữ tại ngày 18/6/09: 54.000 cổ phần, chiếm 0,66 % vốn thực góp

+ Đại diện sở hữu : Không

+ Cá nhân sở hữu : 54.000 cổ phần, chiếm 0,66 % vốn thực góp

4. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

Cam kết nắm giữ 100% số cổ phần đang nắm giữ trong vòng 06 tháng đầu tiên kể từ ngày niêm yết, 50% trong 06 tháng tiếp theo.

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết:

Stt	Mối quan hệ	Họ và tên	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Chiếm % vốn thực góp
1.	Con	Bùi Anh Tú	15.000	0,18
2.	Em	Trần Văn Hùng	5.000	0,06
3.	Em	Trần Văn Dũng	5.000	0,06

Những khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

Ông Trương Minh Long – Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Vinalink

Họ và tên: Trương Minh Long

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 10/08/1969

Nơi sinh: Hội An, Quảng Nam

CMND: 022248613 cấp ngày 02/06/2006 tại Công an thành phố Hồ Chí Minh

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Hội An, Quảng Nam

Địa chỉ thường trú: 407/10 Lê Văn Sỹ, P.12, Q.3, Thành phố Hồ Chí Minh

Số ĐT liên lạc: 08-39414919

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác

+ 1993- đến nay công tác tại Công ty giao nhận kho vận ngoại thương thành phố Hồ Chí Minh (Vietrans Hồ Chí Minh) với chức danh Trợ lý Giám đốc.

Các chức vụ công tác hiện nay tại Ủy viên hội đồng quản trị

4. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

tổ chức niêm yết:

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:

+ Trợ lý Giám đốc Công ty giao nhận kho vận ngoại thương thành phố Hồ Chí Minh (Vietrans Hồ Chí Minh).

+ Trưởng Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Giao nhận vận tải Miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng)

Số cổ phần nắm giữ tại 18/06/09:

542.000 cổ phần, chiếm 6,61 % vốn thực góp

+ *Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước (Công ty Giao nhận kho vận ngoại thương thành phố Hồ Chí Minh - Vinatrans)*

450.000 cổ phần, chiếm 5,49% vốn thực góp

+ *Cá nhân sở hữu :*

92.000 cổ phần, chiếm 1,12 % vốn thực góp

Cam kết nắm giữ 100% số cổ phần đang nắm giữ trong vòng 06 tháng đầu tiên kể từ ngày niêm yết, 50% trong 06 tháng tiếp theo.

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết: Không có nắm giữ cổ phiếu

Stt	Mối quan hệ	Họ và tên	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Chiếm % vốn thực góp
1.	Trợ lý Giám đốc	Công ty giao nhận kho vận ngoại thương thành phố Hồ Chí Minh (Vietrans)	900.000	10,99
2.	Trưởng Ban Kiểm soát	Công ty cổ phần Giao nhận vận tải Miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng)	60.000	0,73
3.	Vợ	Trần Thị Hồng	65.000	0,79

Những khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

4. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng

Các thành viên Ban Tổng Giám Đốc của Công ty hiện nay gồm: 4 người

Stt	Họ tên	Chức danh
1	Nguyễn Nam Tiến	Tổng Giám Đốc kiêm Chủ tịch hội đồng quản trị
2	Lê Quốc Hùng	Phó Tổng Giám Đốc
3	Đinh Quang Ngọc	Phó Tổng Giám Đốc kiêm Giám đốc chi nhánh Hà Nội
4	Trần Thị Bình	Kế Toán trưởng

Ông Nguyễn Nam Tiến – Tổng Giám Đốc Công ty Vinalink

(Xem chi tiết phần Thành viên Hội đồng Quản trị)

Ông Lê Quốc Hùng – Phó Tổng Giám đốc Công ty Vinalink

Giới tính: Nam
 Ngày tháng năm sinh: 01/09/1970
 Nơi sinh: Quảng Nam Đà Nẵng
 CMND: 023987927 cấp ngày 16/12/1998 tại Công an Tp. Hồ Chí Minh
 Quốc tịch: Việt Nam
 Dân tộc: Kinh
 Quê quán: Quảng Nam Đà Nẵng
 Địa chỉ thường trú: 118 Trần Văn Quang, P.10, Q.Tân Bình, TP.HCM
 Số ĐT liên lạc: 0903933639; 08-9733637
 Trình độ văn hóa: 12/12
 Trình độ chuyên môn: Đại học Ngoại ngữ, Cao học Quản trị Kinh Doanh (CFVG Pháp Việt)

Quá trình công tác

- + 10/1993-03/1994 là nhân viên công tác tại Công ty May Mặc Thời Trang Sài Gòn.
- + 04/1994-06/2007 là nhân viên công tác tại Công ty giao nhận kho vận ngoại thương thành phố Hồ Chí Minh (Vinatrans).
- + 06/2007 - 03/2008 công tác tại Công ty cổ phần giao nhận vận tải và thương mại (Vinalink) với chức danh Trưởng Phòng hàng không.

4. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

+ 03/2008 – đến nay công tác tại Công ty cổ phần giao nhận vận tải và thương mại (Vinalink) với chức danh Phó Tổng Giám Đốc Công ty.

Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Phó Tổng giám đốc

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: + Tổng giám đốc Công ty TNHH điều hành vận chuyển hàng hóa liên kết (LCM)

+ Ủy viên Hội đồng thành viên Công ty liên doanh dịch vụ đại lý vận chuyển (FC Việt Nam)

Số cổ phần nắm giữ tại 18/06/09: 36.000 cổ phần, chiếm 0,44 % vốn thực góp

+ Đại diện sở hữu : Không

+ Cá nhân sở hữu : 36.000 cổ phần, chiếm 0,44 % vốn thực góp

Cam kết nắm giữ 100% số cổ phần đang nắm giữ trong vòng 06 tháng đầu tiên kể từ ngày niêm yết, 50% trong 06 tháng tiếp theo.

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết:

Stt	Mối quan hệ	Họ và tên	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Chiếm % vốn thực góp
1.	Em	Lê Thị Thanh Thanh	1.000	0,01

Những khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

Ông Đinh Quang Ngọc – Phó Tổng Giám đốc Công ty Vinalink

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 29/09/1976

Nơi sinh: Hải Phòng

CMND: 012295821 cấp ngày 27/02/2003 tại Công an Tp. Hà Nội

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Hà Nội

Địa chỉ thường trú: 10/170 Ngõ 194 Đội Cấn, Ba Đình, Hà Nội

Số ĐT liên lạc: 0913573228

4. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Đại học Ngoại thương, Cao học Quản trị Kinh doanh (Úc)

Quá trình công tác

+ 1999 – 2005 công tác tại Công ty giao nhận kho vận ngoại thương thành phố Hà Nội (Vinatrans Hà Nội) với chức danh Trưởng phòng Nhập Đường Biển.

+ 2005 - đến nay công tác tại Công ty cổ phần giao nhận vận tải & thương mại (Vinalink) với chức danh Giám đốc chi nhánh Hà Nội.

+ 03/2008 – đến nay công tác tại Công ty cổ phần giao nhận vận tải & thương mại (Vinalink) với chức danh Phó Tổng Giám Đốc Công ty.

Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh công ty tại Hà nội.

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

Số cổ phần nắm giữ tại 18/06/09: 10.600 cổ phần, chiếm 0,13 % vốn thực góp

+ *Đại diện sở hữu :* Không

+ *Cá nhân sở hữu :* 10.600 cổ phần, chiếm 0,13 % vốn thực góp

Cam kết nắm giữ 100% số cổ phần đang nắm giữ trong vòng 06 tháng đầu tiên kể từ ngày niêm yết, 50% trong 06 tháng tiếp theo.

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết: Không nắm giữ cổ phiếu

Những khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

Bà Trần Thị Bình – Kế toán trưởng Công ty Vinalink

Giới tính: Nữ

Ngày tháng năm sinh: 14/03/1958

Nơi sinh: Hà Nam

CMND: 024178252 cấp ngày 14/11/2006 tại Công an Tp. Hồ Chí Minh

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Hà Nam

4. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

Địa chỉ thường trú: 40E Ngô Đức Kế, P.Bến Nghé, Q.1, TP.HCM

Số ĐT liên lạc: 0903812671

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Đại học Tài chính kế toán

Quá trình công tác

+ 12/1978 – 07/1987 là nhân viên công tác tại Tổng cục Thống kê – Văn phòng II.

+ 08/1987 – 08/1999 công tác tại Công ty giao nhận kho vận ngoại thương thành phố Hồ Chí Minh (Vinatrans) với chức danh Phó phòng kế toán.

+ 09/1999 – đến nay công tác tại Công ty cổ phần giao nhận vận tải & thương mại (Vinalink) với chức danh Kế toán trưởng.

Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Kế toán trưởng

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: + Ủy viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần vận tải ngoại thương (VINAFREIGHT)

+ Ủy viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Giao nhận vận tải Miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng)

Số cổ phần nắm giữ tại 18/06/09: 51.000 cổ phần, chiếm 0,62 % vốn thực góp

+ *Đại diện sở hữu :* Không

+ *Cá nhân sở hữu :* 51.000 cổ phần, chiếm 0,62 % vốn thực góp

Cam kết nắm giữ 100% số cổ phần đang nắm giữ trong vòng 06 tháng đầu tiên kể từ ngày niêm yết, 50% trong 06 tháng tiếp theo.

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết:

Stt	Mối quan hệ	Họ và tên	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Chiếm % vốn thực góp
1.	Ủy viên Ban kiểm soát	Công ty cổ phần vận tải ngoại thương (VINAFREIGHT)	110.000	1,34
2.	Ủy viên Ban kiểm soát	Công ty cổ phần Giao nhận vận tải Miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng)	60.000	0,73
3.	Con	Trần Chí Sơn	45.500	0,56

4. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

Những khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

Ban kiểm soát:

Các thành viên Ban Kiểm soát của Công ty hiện nay gồm: 3 người

Stt	Họ tên	Chức danh
1	Phan Phương Tuyền	Trưởng BKS
2	Vũ Thị Bình Nguyên	Thành viên BKS
3	Lê Thị Ngọc Anh	Thành viên BKS

Bà Phan Phương Tuyền – Trưởng Ban Kiểm Soát Công ty Vinalink

Giới tính: Nữ

Ngày tháng năm sinh: 14/04/1968

Nơi sinh: Hồ Chí Minh

CMND: 022013829 cấp ngày 01/07/2003 tại Công an thành phố Hồ Chí Minh

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Tây Ninh

Địa chỉ thường trú: 232 Lý Tự Trọng, Q.1, TP.HCM

Số ĐT liên lạc: 0903669755

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Đại học Kinh tế khoa Kế toán

Quá trình công tác

+ 1992 – 1996: là phó phòng kế toán tại Công ty Điện tử tin học Seatic.

+ 1996 – 1997: là nhân viên kế toán phòng Zim Jardine và phòng kế toán công ty tại Công ty Giao nhận kho vận ngoại thương thành phố Hồ Chí Minh (Vinatrans).

+ 1997 – nay: là kế toán trưởng tại Công ty liên doanh vận tải Việt Nhật (Konoike Vina).

Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Trưởng ban kiểm soát

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại Kế toán trưởng Công ty liên doanh vận tải Việt Nhật (Konoike

4. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

<i>tổ chức khác:</i>	Vina)
<i>Số cổ phần nắm giữ tại 18/06/09:</i>	4.000 cổ phần, chiếm 0,05 % vốn thực góp
<i>+ Đại diện sở hữu :</i>	Không
<i>+ Cá nhân sở hữu :</i>	4.000 cổ phần, chiếm 0,05 % vốn thực góp
<i>Cam kết nắm giữ 100% số cổ phần đang nắm giữ trong vòng 06 tháng đầu tiên kể từ ngày niêm yết, 50% trong 06 tháng tiếp theo.</i>	
<i>Hành vi vi phạm pháp luật:</i>	Không
<i>Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:</i>	Không
<i>Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết: Không nắm giữ cổ phiếu</i>	
<i>Những khoản nợ đối với Công ty:</i>	Không
<i>Lợi ích liên quan đối với Công ty:</i>	Không

Bà Vũ Thị Bình Nguyên – Thành viên Ban kiểm Soát Công ty Vinalink

<i>Giới tính:</i>	Nữ
<i>Ngày tháng năm sinh:</i>	27/05/1981
<i>Nơi sinh:</i>	Quảng Bình
<i>CMND:</i>	240647391 cấp ngày 16/12/1998 tại Công an Đak lak
<i>Quốc tịch:</i>	Việt Nam
<i>Dân tộc:</i>	Kinh
<i>Quê quán:</i>	Quảng Bình
<i>Địa chỉ thường trú:</i>	92 Mai Hắc Đế, Buôn Mê Thuộc, Đắk Lắk
<i>Số ĐT liên lạc:</i>	08-39414919 (504)
<i>Trình độ văn hóa:</i>	12/12
<i>Trình độ chuyên môn:</i>	Đại học Kinh tế, Trung cấp chính trị
<i>Quá trình công tác</i>	
<i>+ 10/2003 – nay là nhân viên kế toán công tác tại Công ty giao nhận kho vận ngoại thương thành phố Hồ Chí Minh (Vinatrans).</i>	
<i>Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết:</i>	Thành viên ban kiểm soát
<i>Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:</i>	Nhân viên kế toán Công ty giao nhận kho vận ngoại thương thành phố Hồ Chí Minh (Vinatrans)
<i>Số cổ phần nắm giữ tại 18/06/09:</i>	23.100 cổ phần, chiếm 0,28 % vốn thực góp

4. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

+ Đại diện sở hữu : Không

+ Cá nhân sở hữu : 23.100 cổ phần, chiếm 0,28 % vốn thực góp

Cam kết nắm giữ 100% số cổ phần đang nắm giữ trong vòng 06 tháng đầu tiên kể từ ngày niêm yết, 50% trong 06 tháng tiếp theo.

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết:

Stt	Mối quan hệ	Họ và tên	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Chiếm % vốn thực góp
1.	Nhân viên kế toán	Công ty giao nhận kho vận ngoại thương thành phố Hồ Chí Minh (Vinatrans)	900.000	10,99

Những khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

Bà Lê Thị Ngọc Anh – Thành viên Ban kiểm Soát Công ty Vinalink

Giới tính: Nữ

Ngày tháng năm sinh: 01/12/1974

Nơi sinh: Đà Nẵng

CMND: 0243722288 cấp ngày 22/03/2005 tại Công an thành phố Hồ Chí Minh

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Quảng Nam

Địa chỉ thường trú: 341/87 A1 Lạc Long Quân, P.5, Q.11, TP.HCM

Số ĐT liên lạc: 08-38446409

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Đại học Kế toán

Quá trình công tác

+ 1997 – 1998: công tác tại Công ty Sài Gòn kiến trúc xây dựng mới.

4. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

+ 1998 – 2001: công tác tại Công ty TNHH Việt Đan.

+ 2001 – đến nay làm việc tại Công ty cổ phần vận tải ngoại thương (Vinafreight) với chức danh Phó phòng kế toán.

Các chức vụ công tác hiện nay tại Thành viên ban kiểm soát
tổ chức niêm yết:

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại Phó phòng kế toán Công ty cổ phần vận tải ngoại thương
tổ chức khác: (Vinafreight)

Số cổ phần nắm giữ tại 18/06/09: 2.000 cổ phần, chiếm 0,02 % vốn thực góp

+ *Đại diện sở hữu :* Không

+ *Cá nhân sở hữu :* 2.000 cổ phần, chiếm 0,02 % vốn thực góp

Cam kết nắm giữ 100% số cổ phần đang nắm giữ trong vòng 06 tháng đầu tiên kể từ ngày niêm yết, 50% trong 06 tháng tiếp theo.

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết:

Stt	Mối quan hệ	Họ và tên	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Chiếm % vốn thực góp
1.	Phó phòng kế toán	Công ty cổ phần vận tải ngoại thương (Vinafreight)	110.000	1,34

Những khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

4.14 Tài sản cố định:

a. Tổng hợp tăng giảm TSCĐ hữu hình từ năm 2007 đến 31/03/2009:

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Khoản mục	31/12/2007		31/12/2008		31/03/2009	
	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
Nhà cửa, vật kiến trúc	6.042.867	2.614.444	6.042.867	2.206.552	6.042.867	2.104.578
Máy móc thiết bị	1.082.161	609.680	1.264.855	625.169	1.264.855	582.920
Phương tiện vận tải	8.431.901	6.823.498	14.176.584	11.321.991	14.176.585	10.975.972

4. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

Thiết bị dụng cụ quản lý	1.157.526	189.430	1.422.495	347.987	1.422.495	314.884
Tổng cộng	16.714.455	10.237.052	22.906.801	14.501.699	22.906.802	13.978.354

(Nguồn: Số liệu theo Báo cáo đã kiểm toán 2007, 2008 và Báo cáo tài chính 3 tháng đầu năm 2009 của VINALINK)

b. Chi tiết các TSCĐ có giá trị lớn: tại thời điểm 31/03/2009:

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Stt	Khoản mục	31/03/2009		
		Nguyên giá	Khấu hao	Giá trị còn lại
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	6.042.867	3.938.289	2.104.578
	16.000 m ² văn phòng làm việc & khu vực kho 145 – 147 Nguyễn Tất Thành, Q.4	6.042.867	3.938.289	2.104.578
2	Máy móc thiết bị	1.264.855	681.935	582.920
	- Máy điều hòa nhiệt độ	913.865	561.793	352.072
	- Máy phát điện	312.990	82.142	230.848
	- Máy bơm nước PCCC	38.000	38.000	-
3	Phương tiện vận tải	14.176.585	3.200.613	10.975.972
	- 14 xe đầu kéo	7.212.319	1.035.633	6.176.686
	- 18 remooc	2.333.530	395.053	1.938.477
	- 6 xe ô tô 4 -7 chỗ	2.398.162	731.341	1.666.821
	- 7 xe tải 2 tấn	1.721.307	863.314	857.993
	- 1 xe cầu	407.267	71.272	335.995
	- 2 xe nâng	104.000	104.000	-
4	Thiết bị dụng cụ quản lý	1.422.495	1.107.611	314.884
	- Máy in, vi tính, fax, photocopy, máy chiếu ...	1.422.495	1.107.611	314.884
	Tổng cộng	22.906.802	8.928.448	13.978.354

(Nguồn: VINALINK)

4.15 Kế hoạch dự án, lợi nhuận và cổ tức các năm tiếp theo

a. Kế hoạch về dự án các năm tiếp theo

Căn cứ theo Nghị quyết đại hội cổ đông thường niên lần thứ 10 (năm 2009) và Kế hoạch đầu tư kinh doanh năm 2009, kế hoạch về các dự án các năm tiếp theo của Công ty được xác định cụ thể như sau:

4. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

- Công ty đang tìm kiếm vị trí đất phù hợp để xây dựng hệ thống kho bãi tại Hà Nội và Hải Phòng.
- Tháng 8/2009 Công ty đã đặt tiền cọc tiền thuê đất tại khu Bến Lức, Long An. Dự kiến khi cơ hạ tầng tại khu vực này hoàn tất vào năm 2010, Công ty sẽ xây dựng hệ thống kho bãi tại đây.
- Công ty đã mua đất tại khu vực Cái Mép, tuy nhiên do cơ sở hạ tầng chưa hoàn tất nên công ty chưa thể xây dựng được hệ thống kho bãi ở đây. Công việc xây dựng sẽ được tiến hành ngay sau khi cơ sở hạ tầng khu vực này hoàn tất.
- Năm 2009 công ty dự tính đầu tư 10 xe đầu kéo và 5 xe tải cho hoạt động đại lý vận tải đa phương thức và giao nhận vận tải. Cho đến tháng 8/2009, công ty đã đầu tư được 5 xe đầu kéo và số xe còn lại được đầu tư vào giai đoạn cuối năm.
- Theo Nghị quyết đại hội cổ đông năm 2009, Công ty sẽ tiếp tục bán đấu giá 810.000 cổ phiếu vào thời điểm thích hợp, tuy nhiên hiện nay hồ sơ niêm yết trên sàn HOSE của công ty sắp được chấp thuận nên Công ty sẽ thay đổi phương án bán đấu giá thành phát hành riêng rẽ số cổ phiếu đó sau khi đã nhận được sự chấp thuận của cổ đông tại phiên họp gần nhất.

b. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức các năm tiếp theo

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009		Năm 2010		Năm 2011	
		Số KH	(+/-) so với năm 2008	Số KH	(+/-) so với năm 2009	Số KH	(+/-) so với năm 2009
Vốn điều lệ đăng ký	90.000	90.000	0,00%	90.000	0,00%	90.000	0,00%
Vốn thực góp	81.900	90.000	9,89%	90.000	0,00%	90.000	0,00%
Doanh thu thuần	235.236	260.000	10,53%	299.000	15,00%	343.850	15,00%
Lợi nhuận sau thuế	22.662	20.045	-11,55%	23.052	15,00%	26.510	15,00%
Vốn chủ sở hữu	106.472	138.217	29,82%	146.869	6,26%	158.978	8,25%
Tỷ lệ LN sau thuế/Doanh thu thuần	9,63%	7,71%	-19,97%	7,71%	0,00%	7,71%	0,00%
Tỷ lệ LN sau thuế/Vốn Chủ sở hữu	21,28%	14,50%	-31,86%	15,70%	8,23%	16,67%	6,24%
Tỷ lệ cổ tức (trên mệnh giá)	14,00%	14,00%	0,00%	16,00%	14,29%	16,00%	0,00%

(¹Nguồn: Kế hoạch kinh doanh năm 2009 của Vinalink)

Dự kiến:

Tình hình kinh doanh năm 2009 sẽ còn khó khăn do mức tăng trưởng kinh tế suy giảm và lạm phát nhìn chung vẫn còn những yếu tố chưa ổn định. Doanh thu năm 2009 dự kiến tăng 10,53% so với năm 2008. Tuy nhiên do tình hình cạnh tranh trong ngành sẽ ngày càng gay gắt hơn, giá bán dịch vụ sẽ không thể tăng mặc dù chi phí tăng theo tốc độ lạm phát chung, nên lợi nhuận sau thuế năm 2009 của Công ty dự tính sẽ giảm 11,55% so với năm 2008. Nếu tình

4. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

hình thị trường chứng khoán ổn định, Công ty sẽ phát hành riêng lẻ 810.000 cổ phần để tiếp tục thực hiện dự án xây dựng kho bãi tại Cái Mép và Sóng Thần, vì thế vốn chủ sở hữu lúc này sẽ là 90.000.000.000 đồng, ngoài ra Công ty giữ một tỷ lệ lợi nhuận khá lớn để đầu tư (chính sách này thực hiện liên tục trong năm 2008 – 2010) đó là lý do làm cho tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu giảm 31,86% so với năm 2008.

Bước sang năm 2010, các kho bãi Vinalink xây dựng sẽ chính thức hoạt động. Đây là lý do chính để doanh thu Vinalink năm 2010 dự kiến tăng 15% so với năm 2009. Mức thanh toán cổ tức cho cổ đông sẽ tăng từ 14% lên 16% trong năm 2010 khi nhu cầu vốn để đầu tư cho hoạt động sản xuất kinh doanh không còn cấp bách nữa.

4.16 Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Với tư cách là một tổ chức tư vấn, Chi nhánh Công ty chứng khoán Bảo Việt đã thực hiện thu thập những thông tin cần thiết và tiến hành nghiên cứu phân tích và đánh giá về hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Giao nhận vận tải và Thương mại - VINALINK cũng như xem xét lĩnh vực kinh doanh mà Công ty đang hoạt động. Bên cạnh đó, BVSC cũng dựa trên kết quả lợi nhuận và cổ tức của VINALINK trong những năm vừa qua, năng lực của đội ngũ cán bộ lãnh đạo và định hướng phát triển của Công ty trong thời gian tới, BVSC nhận thấy kế hoạch kinh doanh của VINALINK nêu trên là có thể thực hiện được nếu không bị ảnh hưởng bởi những biến động nghiêm trọng về tình hình kinh tế cũng như khối lượng hàng xuất nhập khẩu trong những năm tới so với dự báo.

Chi nhánh Công ty chứng khoán Bảo Việt lưu ý rằng những nhận xét của BVSC chỉ có giá trị tham khảo cho các nhà đầu tư. Các thông tin trình bày hoặc các nhận định nêu trên không hàm ý BVSC bảo đảm giá trị của cổ phiếu và kết quả đầu tư vào cổ phiếu này.

4.17 Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức niêm yết:

Đại hội cổ đông thường niên lần thứ 9 tổ chức ngày 19 tháng 4 năm 2008 và Đại hội cổ đông thường niên lần thứ 10 tổ chức ngày 18 tháng 4 năm 2009 đã thông qua việc thực hiện các thủ tục để phát hành 810.000 cổ phần phổ thông bán rộng rãi theo hình thức đấu giá vào thời điểm phù hợp. Tuy nhiên hiện nay hồ sơ niêm yết trên sàn HOSE của công ty sắp được chấp thuận nên Công ty sẽ thay đổi phương án bán đấu giá thành phát hành riêng lẻ số cổ phiếu đó sau khi đã nhận được sự chấp thuận của cổ đông tại phiên họp gần nhất.

4.18 Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng đến ngày 31 tháng 03 năm 2009 liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu niêm yết: Không có

5. CỔ PHIẾU NIÊM YẾT

5.1 Loại cổ phiếu : Cổ phiếu phổ thông

5.2 Mệnh giá : 10.000 đồng

5.3 Tổng số cổ phiếu niêm yết : 8.190.000 cổ phiếu

5.4 Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định:

Stt	Cổ đông	Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng	Thời gian bị hạn chế chuyển nhượng
1	Cổ đông HĐQT, BKS, BGĐ và KTT	691.140	100% số cổ phiếu trong thời gian 6 tháng kể từ ngày niêm yết và 50 % trong thời gian 6 tháng tiếp theo.
2	Cổ đông chiến lược	810.000	Hạn chế chuyển nhượng 10 năm (31/12/2017)

Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật

Số lượng cổ phiếu các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban giám đốc và Kế toán trưởng của công ty là 691.140 cổ phiếu cam kết không chuyển nhượng 100% số lượng cổ phiếu mà các thành viên này nắm giữ trong thời gian 06 tháng kể từ khi niêm yết và 50% số cổ phiếu trên trong thời gian 06 tháng tiếp theo.

Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của Tổ chức niêm yết

Theo Nghị quyết đại hội cổ đông thường niên lần thứ 8 ngày 7 tháng 4 năm 2007, các cổ đông chiến lược mua cổ phần với giá ưu đãi chỉ được chuyển nhượng sau 10 năm kể từ ngày phát hành (31/12/2007), tức là hạn chế chuyển nhượng đến ngày 31/12/2017.

5.5 Giá niêm yết dự kiến: 26.000 đồng/cổ phần

5.6 Phương pháp tính giá: Phương pháp P/E & Phương pháp P/S

a. Phương pháp P/E

Xác định hệ số thị giá trên thu nhập mỗi cổ phần (P/E):

P/E tham chiếu : Chỉ số P/E của cổ phiếu công ty được tham chiếu bởi cổ phiếu của các công ty tương đương trong cùng ngành đang niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM bao gồm:

5. CỔ PHIẾU NIÊM YẾT

DDM, SFI, TMS, VFC, VIP,VSC. Chỉ số P/E bình quân theo vốn hóa thị trường của các công ty này được tính như sau:

Stt	Tên Công ty	Mã Chứng khoán	EPS điều chỉnh (1.000 đ)	Giá trị vốn hoá thị trường (tỷ đồng)	P/E
1	Công ty Cổ phần Hàng hải Đông Đô	DDM	1,12	131	9,55
2	Công Ty Cổ Phần Đại Lý Vận Tải SAFI	SFI	3,74	325	10,48
3	Công ty cổ phần Thương Mại Sài Gòn Kho vận	TMS	4,08	290	8,90
4	Công ty cổ phần Vinafco	VFC	1,27	212	8,35
5	Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO	VIP	1,29	945	12,48
6	Công ty Cổ phần Container Việt Nam	VSC	11,42	776	7,14
P/E bình quân					9,48

(Nguồn: Bản tin thị trường chứng khoán số 145 ngày 04/08/2009 của SGDCK TP.HCM)

Định giá cổ phiếu Vinalink theo phương pháp so sánh P/E

Stt	Chỉ tiêu	Giá trị
1	Thu nhập trên mỗi cổ phiếu (EPS) năm 2008	2.767
2	Hệ số P/E bình quân	9,48
3	Giá cổ phiếu (3 = 1 x 2) (đồng/cổ phần)	26.238

b. Phương pháp P/S

Xác định hệ số thị giá trên doanh thu mỗi cổ phần (P/S):

P/S tham chiếu : Chỉ số P/S của cổ phiếu công ty được tham chiếu bởi cổ phiếu của các công ty tương đương trong cùng ngành đang niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM bao gồm: DDM, SFI, TMS, VFC, VIP,VSC. Chỉ số P/S bình quân của các công ty này được tính như sau:

5. CỔ PHIẾU NIÊM YẾT

Stt	Tên Công ty	Mã Chứng khoán	Giá đóng cửa	Doanh thu/cổ phiếu	P/S
1	Công ty Cổ phần Hàng hải Đông Đô	DDM	10.700	22.047	0,49
2	Công Ty Cổ Phần Đại Lý Vận Tải SAFI	SFI	39.200	43.888	0,89
3	Công ty cổ phần Thương Mại Sài Gòn Kho vận	TMS	36.300	27.543	1,32
4	Công ty cổ phần Vinafco	VFC	10.600	22.392	0,47
5	Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO	VIP	16.100	21.309	0,76
6	Công ty Cổ phần Container Việt Nam	VSC	81.500	32.836	2,48
P/S bình quân					1.07

(Nguồn: Bản tin thị trường chứng khoán số 145 ngày 04/08/2009 của SGDCK TP.HCM & Báo cáo tài chính năm 2008 đã kiểm toán)

Định giá cổ phiếu Vinalink theo phương pháp so sánh P/S

Stt	Chỉ tiêu	Giá trị
1	Doanh thu trên mỗi cổ phiếu năm 2008	28.722
2	Hệ số P/S bình quân	1.07
3	Giá cổ phiếu (3 = 1 x 2) (đồng/cổ phần)	30.672

Giá niêm yết dự kiến của Công ty được xác định theo phương pháp P/E và được làm tròn là **26.000 đồng/cổ phần**.

5.7 Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với nhà đầu tư nước ngoài

Theo Quyết định số 55/2009/QĐ-TTg ngày 15/04/2009 của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ tham gia của bên nước ngoài vào thị trường chứng khoán Việt Nam, nhà đầu tư nước ngoài bao gồm các tổ chức, cá nhân sau đây:

- Tổ chức thành lập và hoạt động theo pháp luật nước ngoài và chi nhánh của các tổ chức này tại nước ngoài và tại Việt Nam;
- Tổ chức thành lập và hoạt động ở Việt Nam có tỷ lệ tham gia góp vốn của bên nước ngoài trên 49%;

5. CỔ PHIẾU NIÊM YẾT

- Quỹ đầu tư, công ty đầu tư chứng khoán có tỷ lệ tham gia góp vốn của bên nước ngoài trên 49%;
- Cá nhân nước ngoài là người không mang quốc tịch Việt Nam cư trú tại nước ngoài hoặc tại Việt Nam.

mua, bán chứng khoán trên thị trường chứng khoán Việt Nam tối đa 49% tổng số cổ phiếu của công ty cổ phần đại chúng.

Tỷ lệ nắm giữ của các cổ đông nước ngoài có thể thay đổi theo các quy định của pháp luật tại thời điểm tương ứng.

5.8 Các loại thuế có liên quan:

a. Đối với Công ty:

- *Thuế thu nhập doanh nghiệp:* Theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 3782 BKH/DN ngày 20 tháng 6 năm 2000 của Bộ Kế hoạch Đầu tư và Công văn số 11684/BTC-TCT ngày 16 tháng 9 năm 2005 của Bộ Tài chính thì Công ty được miễn thuế TNDN 2 năm (giai đoạn năm 2000 - 2001) và giảm 50% số thuế TNDN phải nộp trong 4 năm tiếp theo (giai đoạn năm 2002 – 2005). Ngoài ra Công ty được hưởng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 20% cho suốt thời gian còn lại của dự án.
- *Thuế giá trị gia tăng:* Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho các nhóm mặt hàng như sau:
 - o Dịch vụ vận chuyển, bốc xếp và CFS: 5%
 - o Các dịch vụ khác : 10%

b. Đối với nhà đầu tư:

Thông tư số 100/2004/TT-BTC ngày 20/10/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn thuế GTGT và thuế thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán trên lãnh thổ Việt Nam quy định như sau:

- Các tổ chức, cá nhân đầu tư được miễn thuế thu nhập cá nhân và thuế thu nhập doanh nghiệp đối với khoản thu nhập từ cổ tức được nhận.
- Các cá nhân đầu tư sẽ được miễn thuế thu nhập cá nhân đối với khoản thu nhập từ việc đầu tư vào cổ phần của doanh nghiệp niêm yết.
- Tổ chức đầu tư trong và ngoài nước có đăng ký kinh doanh tại Việt Nam phải chịu thuế thu nhập doanh nghiệp từ việc mua, bán cổ phiếu của doanh nghiệp niêm yết.
- Tổ chức đầu tư nước ngoài không đăng ký kinh doanh tại Việt Nam phải chịu một khoản thuế khoán khi bán cổ phiếu.

Tuy nhiên, từ ngày 1/1/2009 theo Luật thuế thu nhập cá nhân và Nghị định số 100/2008/NĐ-

5. CỔ PHIẾU NIÊM YẾT

CP ngày 8/9/2008 của Chính phủ quy định một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân thì mọi cá nhân phải đóng thuế thu nhập cá nhân theo mức thuế suất cụ thể như sau:

- Thuế suất 20% đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán cả năm áp dụng đối với cá nhân thực hiện đúng quy định của pháp luật về kế toán, hóa đơn, chứng từ và đăng ký thực hiện ổn định với cơ quan thuế từ tháng 12 năm trước.
- Thuế suất 0,1% trên giá trị chuyển nhượng chứng khoán từng lần đối với các trường hợp khác với trường hợp trên.
- Thuế suất 5% trên toàn bộ thu nhập từ lợi tức cổ phần.

6. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT

6.1 Tổ chức tư vấn: Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (BVSC)

Trụ sở chính: Số 8 Lê Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.
Điện thoại: (84-4) 3 9288 888 Fax: (84-4) 3 9289 888
Website: www.bvsc.com.vn
Chi nhánh: 11 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: (84-8) 3 9141 993 Fax: (84-8) 3 9141 991

6.2 Tổ chức kiểm toán: Công ty kiểm toán DTL

Địa chỉ: Lầu 5, tòa nhà Sài Gòn 3, 140 Nguyễn Văn Thủ, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: (84 8) 3 8275 026 Fax: (84 8) 3 8275 027
Website: www.horwathdtl.com

7. PHỤ LỤC

- 1. Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh**
- 2. Bản sao hợp lệ Điều lệ công ty**
- 3. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán 2006**
- 4. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán 2007**
- 5. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán 2008**
- 6. Báo cáo tài chính quý I năm 2009**
- 7. Công văn số 319/2009/VNL giải trình Công văn số 109/SGDCKHCM-NY**
- 8. Công văn số 372/2009/VNL cam kết thực hiện đúng quy định đối với công ty niêm yết**
- 9. Công văn số 23/CV-DTL làm rõ báo cáo tài chính 2006, 2007 và 2008**
- 10. Nghị Quyết của Đại hội cổ đông thông qua việc niêm yết cổ phiếu**
- 11. Văn bản pháp luật có liên quan**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 06 năm 2009

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC NIÊM YẾT

Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải và Thương mại

Tổng giám đốc kiêm Chủ tịch hội đồng quản trị

NGUYỄN NAM TIẾN

Trưởng Ban Kiểm soát

Kế toán Trưởng

PHAN PHƯƠNG TUYỀN

TRẦN THỊ BÌNH

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt

Phó Tổng Giám đốc

VÕ HỮU TUẤN